



PHAN VĂN PHÚ – MAI PHÚ THANH (đồng Chủ biên)
VŨ THỊ BẮC – TRẦN NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN HÀ QUỲNH GIAO
HOÀNG THỊ KIỀU OANH – HUỲNH PHẨM DŨNG PHÁT – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG

Bài tập **LỊCH SỬ** **VÀ** **ĐỊA LÍ** (PHẦN ĐỊA LÍ)

7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

PHAN VĂN PHÚ – MAI PHÚ THANH (đồng Chủ biên)

VŨ THỊ BẮC – TRẦN NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN HÀ QUỲNH GIAO

HOÀNG THỊ KIỀU OANH – HUỲNH PHẨM DŨNG PHÁT – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG

Bài tập
VÀ LỊCH SỬ
ĐỊA LÍ
(PHẦN ĐỊA LÍ)



Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Cùng với sách giáo khoa và sách giáo viên *Lịch sử và Địa lí 7* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*), tập thể tác giả biên soạn sách *Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 (phần Địa lí)* với mục đích tạo điều kiện cho các em học sinh có thể luyện tập, củng cố và vận dụng nhiều hơn những kiến thức đã học trong chương trình sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 7*.

Ngoài việc thiết kế theo đúng trình tự nội dung của sách giáo khoa, tập thể tác giả chủ trương xây dựng hệ thống các bài tập với nhiều dạng thức khác nhau: từ trắc nghiệm đến tự luận; từ vẽ sơ đồ, biểu đồ cho đến hoàn thành bản đồ trống,... Khả năng vận dụng sáng tạo của các em sẽ tiếp tục được phát huy thông qua việc thực hiện các bài tập tình huống trong cuốn sách này.

Trong quá trình làm bài tập, các em có thể cần sử dụng những hình ảnh và thông tin từ sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 7 (phần Địa lí)*. Hi vọng rằng, sách *Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 (phần Địa lí)* sẽ là công cụ rèn luyện thiết thực và hiệu quả đồng hành cùng các em trong suốt năm học.

Các tác giả

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
Mục lục.....	4
Chương 1. CHÂU ÂU.....	5
Bài 1. Thiên nhiên châu Âu.....	5
Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu.....	11
Bài 3. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Âu ...	15
Bài 4. Liên minh châu Âu	19
Chương 2. CHÂU Á.....	21
Bài 5. Thiên nhiên châu Á	21
Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á	31
Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á, các khu vực của châu Á.....	34
Bài 8. Thực hành: Tìm hiểu các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á	38
Chương 3. CHÂU PHI	40
Bài 9. Thiên nhiên châu Phi.....	40
Bài 10. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi.....	45
Bài 11. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi	47
Bài 12. Thực hành: Sưu tầm tư liệu về Cộng hoà Nam Phi.....	49
Chương 4. CHÂU MỸ	51
Bài 13. Phát kiến ra châu Mỹ, vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ	51
Bài 14. Thiên nhiên và dân cư, xã hội Bắc Mỹ	54
Bài 15. Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững, một số trung tâm kinh tế của Bắc Mỹ.....	60
Bài 16. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ.....	62
Bài 17. Đặc điểm dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh...64	
Bài 18. Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn	68
Chương 5. CHÂU ĐẠI DƯƠNG	70
Bài 19. Thiên nhiên châu Đại Dương	70
Bài 20. Đặc điểm dân cư, xã hội Ô-xtrây-li-a	73
Bài 21. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a75	
Chương 6. CHÂU NAM CỰC	78
Bài 22. Vị trí địa lí, lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.....	78
Bài 23. Thiên nhiên châu Nam Cực.....	80

Chương 1. CHÂU ÂU

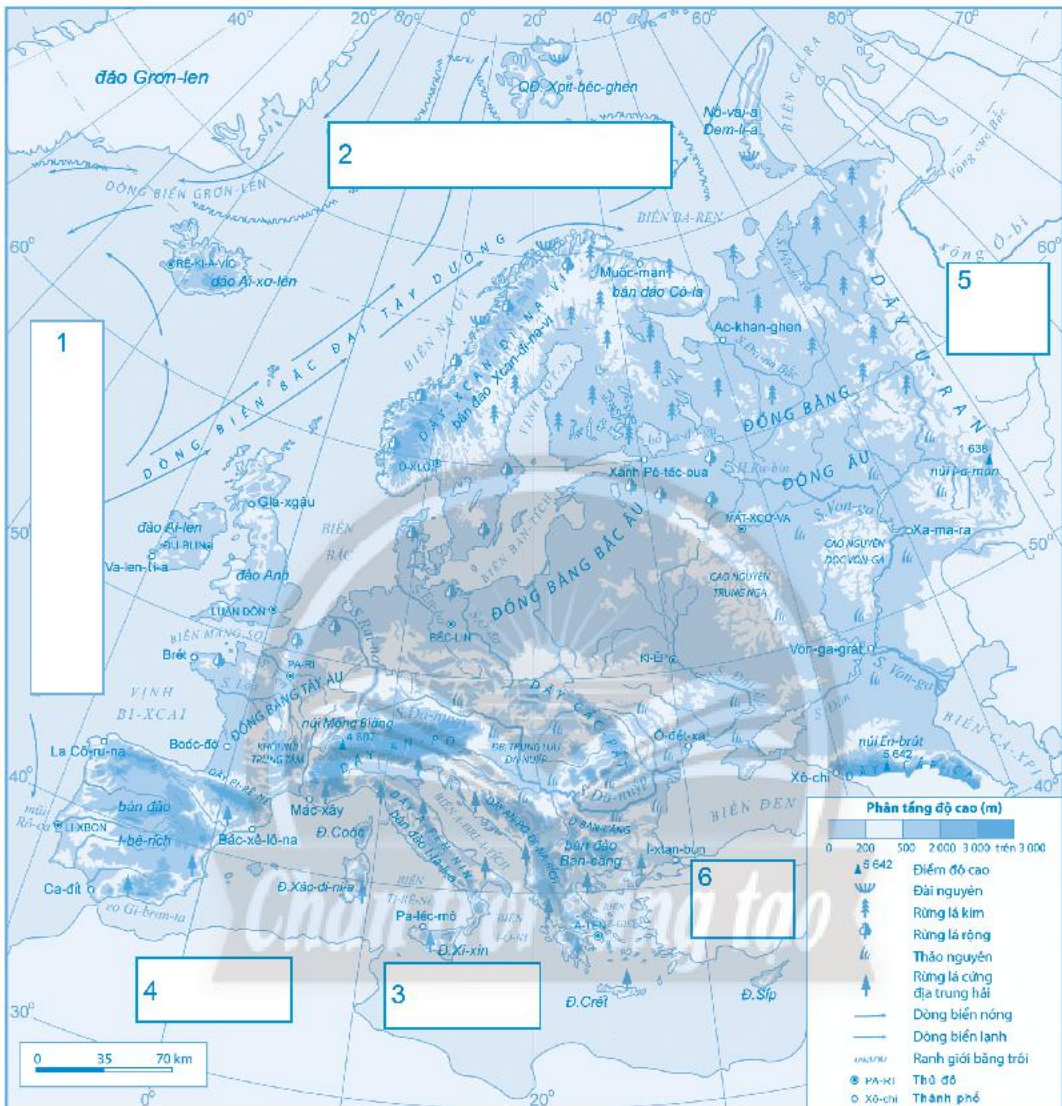
Bài 1. THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

Câu 1. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

- Ranh giới tự nhiên phía đông ngăn cách giữa châu Âu và châu Á là
A. dãy U-ran. B. dãy Các-pát.
C. dãy An-pơ. D. dãy Ban-căng.
- Châu Âu có đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, dài khoảng
A. 34 000 km. B. 43 000 km.
C. 40 000 km. D. 41 000 km.
- Nhận định nào sau đây đúng?
A. Châu Âu có diện tích nhỏ thứ ba thế giới.
B. Châu Âu có diện tích lớn thứ hai thế giới.
C. Châu Âu có diện tích nhỏ, chỉ lớn hơn châu Đại Dương.
D. Châu Âu có diện tích nhỏ, chỉ lớn hơn châu Nam Cực.
- Khu vực địa hình nào chiếm diện tích chủ yếu ở châu Âu?
A. Đồng bằng B. Miền núi
C. Núi già D. Núi trẻ
- Đồng bằng nào lớn nhất châu Âu?
A. Bắc Âu B. Đông Âu C. Tây Âu D. Trung lưu sông Đa-nuýp
- Khí hậu châu Âu phân hoá thành bao nhiêu đới?
A. 1 B. 2 C. 3 D. 4
- Đới khí hậu chiếm diện tích lớn nhất ở châu Âu là
A. cực và cận cực. B. ôn đới. C. cận nhiệt. D. nhiệt đới.
- Sông dài nhất châu Âu là
A. Von-ga. B. Đa-nuýp. C. Rai-nơ. D. En-bơ (Elbe).
- Phía nam châu Âu có đới thiên nhiên
A. đài nguyên. B. rừng lá rộng.
C. rừng lá kim. D. rừng lá cứng Địa Trung Hải.
- Ở châu Âu, băng tuyết vĩnh viễn xuất hiện ở những dãy núi có độ cao
A. 2 000 m. B. trên 2 000 m.
C. 3 000 m. D. trên 3 000 m.

Câu 2. Điền tên các châu lục và đại dương tiếp giáp châu Âu vào hình dưới đây.

Đại Tây Dương Bắc Băng Dương Địa Trung Hải Châu Phi Châu Á



Câu 3. Dựa vào hình 1.1 trong SGK, hãy hoàn thành thông tin còn thiếu trong đoạn văn dưới đây.

Châu Âu có mặt giáp biển và đại dương, chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng biển nóng Đường bờ biển của châu lục này dài, bị cắt xẻ mạnh tạo nhiều bán đảo, vịnh vịnh. Phía bắc châu Âu có bán đảo và vịnh Ban-tích. Phía nam châu Âu có ba bán đảo lớn gồm: bao quanh Địa Trung Hải. Địa Trung Hải là biển khá lớn, kín và sâu, bị chia cắt khá phức tạp, có các biển nhỏ thông với Đại Tây Dương qua eo biển

Câu 4. Hãy hoàn thành sơ đồ dưới đây:



Câu 5. Hãy nối đặc điểm khí hậu (ở cột A) với đới hoặc kiểu khí hậu (ở cột B) cho phù hợp.

A	B
Khí hậu điều hoà, mùa hạ mát, mùa đông không lạnh lắm.	Khí hậu cực và cận cực
Mùa hạ tương đối nóng, mùa đông lạnh, có tuyết rơi nhiều.	Khí hậu ôn đới lục địa
Khí hậu lạnh giá quanh năm, lượng mưa rất ít.	Khí hậu cận nhiệt Địa Trung Hải
Mùa hạ nóng khô, mùa đông ẩm, mưa rào.	Khí hậu núi cao
Khí hậu thay đổi theo độ cao, đỉnh núi có băng tuyết.	Khí hậu ôn đới hải dương

Câu 6. Dựa vào nội dung mục 2b. Khí hậu, trang 98 trong SGK, hãy đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu cho du khách đặc điểm phân hoá khí hậu ở châu Âu theo bảng dưới đây:



3 điều thú vị



2 điều hạn chế



1 giải pháp



Khí hậu:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Hãy chia sẻ những điều em vừa khám phá với các bạn, thầy cô và gia đình mình.

Câu 7. Xác định ý Đúng hoặc Sai cho các thông tin dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

Thông tin	Đúng	Sai
Mạng lưới sông ngòi ở châu Âu dày đặc.		
Các sông ở châu Âu đầy nước quanh năm, có nhiều lũ lớn.		
Các sông ở châu Âu bị đóng băng vào mùa đông.		
Hệ thống kênh đào nối các sông ở châu Âu.		
Sông Đa-nuýp dài 3 690 km.		
Sông Von-ga đổ ra biển Ca-xpi.		
Sông Rai-nơ đổ ra Bắc Băng Dương.		

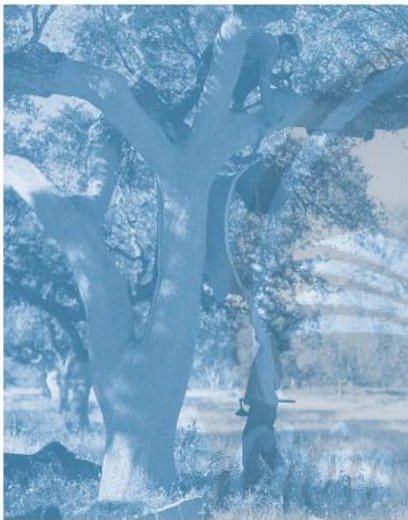
Câu 8. Dựa vào nội dung mục 2d. Các đới thiên nhiên, trang 100 trong SGK, hãy cho biết những hình ảnh sau thể hiện đới thiên nhiên nào của châu Âu.



1..... ở Phần Lan



2..... ở Ba Lan



3..... ở Bồ Đào Nha



4..... ở Đức



5..... ở Thụy Sĩ



6..... ở Na Uy

Câu 9. Hãy mô tả đặc điểm và kể tên một số loài sinh vật phổ biến ở những đới thiên nhiên ở nội dung câu 8.

Đới thiên nhiên	Đặc điểm	Sinh vật
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		
6.		

Câu 10. Hãy sưu tầm 4 bức hình đẹp về thiên nhiên châu Âu và dán vào khung dưới đây.

BÀI 2. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU

Câu 1. Dựa vào hình 2.1 trong SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây:

Giai đoạn	Số dân tăng thêm	Số năm	Số dân tăng trung bình/năm
1950 – 1970			
1970 – 1990			
1990 – 2010			
2010 – 2020			

Nhận xét xu hướng tăng dân số châu Âu trong giai đoạn 1950 – 2020 và giải thích nguyên nhân.

.....

.....

.....

.....

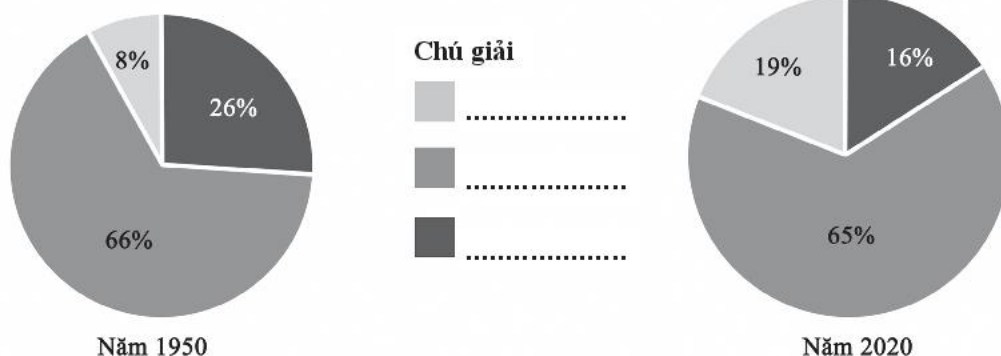
.....

.....

.....

Câu 2. Dựa vào bảng Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu, giai đoạn 1950 – 2020 ở bài 2 trong SGK và hình 2.1 dưới đây, hãy:

– Điền tên các nhóm tuổi vào bảng chú giải trên biểu đồ cho phù hợp.



Hình 2.1. Biểu đồ cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu, năm 1950 và năm 2020

- Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu trong hai năm trên.

.....

.....

.....

.....

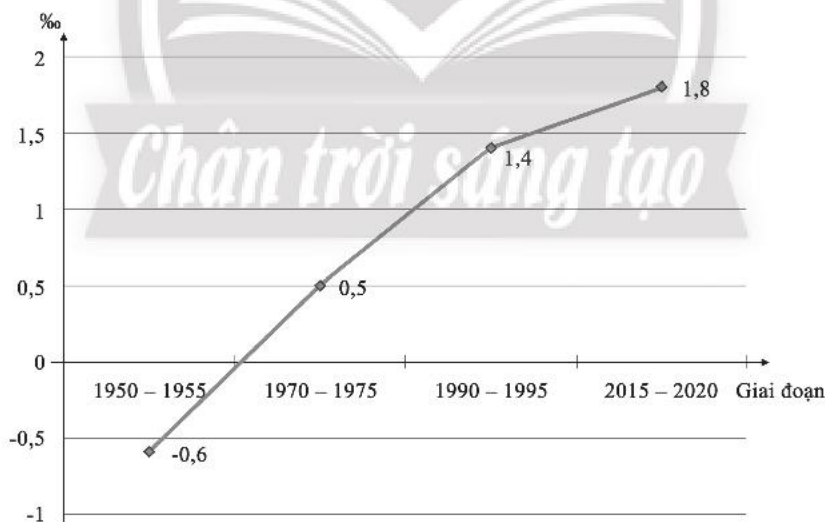
.....

.....

Câu 3. Dựa vào hình 2.2 trong SGK, hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong các câu dưới đây:

- Tỷ lệ nam tỷ lệ nữ trong tổng dân số ở châu Âu giai đoạn 1950 – 2020.
- Tỷ lệ nam có xu hướng
- Tỷ lệ nữ có xu hướng

Câu 4. Dựa vào hình 2.2 dưới đây, hãy điền từ “nhập cư” hoặc “xuất cư” vào chỗ trống (...) trong đoạn văn dưới đây cho phù hợp:



Hình 2.2. Tỷ suất di cư thuần ở châu Âu qua các giai đoạn

Di cư ở châu Âu diễn ra ngày càng phổ biến. Trong giai đoạn 1950 – 1955, số người nhiều hơn số người dẫn đến tỷ suất di cư thuần âm. Từ giai đoạn 1970 – 1975 đến nay, tỷ suất di cư thuần dương và tăng mạnh do số người vào châu Âu nhiều hơn

5. Tỷ lệ nam thấp hơn tỷ lệ nữ trong tổng số dân ở châu Âu và không có sự thay đổi trong giai đoạn 1950 – 2020. ☐

Sửa lại:

6. Trình độ học vấn cao góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở châu Âu. ☐

Sửa lại:

7. Dân cư châu Âu phân bố không đều. ☐

Sửa lại:

8. Di cư ở châu Âu mới diễn ra từ thế kỷ XV. ☐

Sửa lại:

9. Châu Âu tiếp nhận số lượng người di cư lớn thứ hai thế giới. ☐

Sửa lại:

10. Châu Âu có mức độ đô thị hoá thấp. ☐

Sửa lại:

11. 75% dân cư châu Âu sống ở đô thị. ☐

Sửa lại:

12. Châu Âu có mạng lưới đô thị rộng khắp, các đô thị vệ tinh xuất hiện ngày càng nhiều. ☐

Sửa lại:

13. Châu Âu có nhiều thành phố đông dân và hiện đại. ☐

Sửa lại:

14. Đô thị hoá ở châu Âu chủ yếu do nhiều người di cư đến thành phố để làm việc. ☐

Sửa lại:

15. Đô thị hoá ở nông thôn châu Âu ít phát triển. ☐

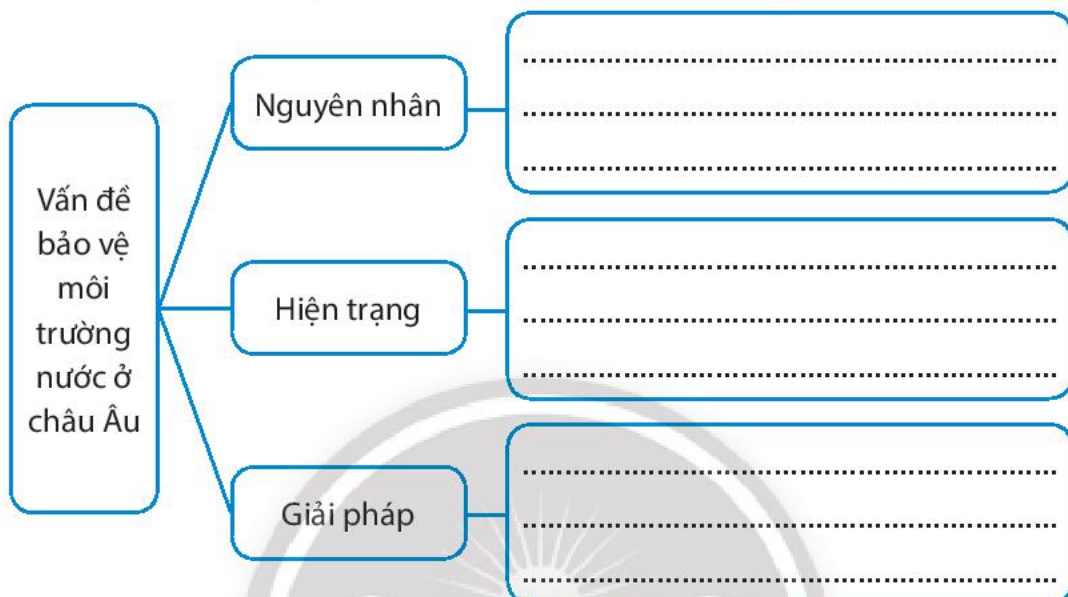
Sửa lại:

16. Lối sống văn minh đô thị ít phổ biến trong dân cư châu Âu. ☐

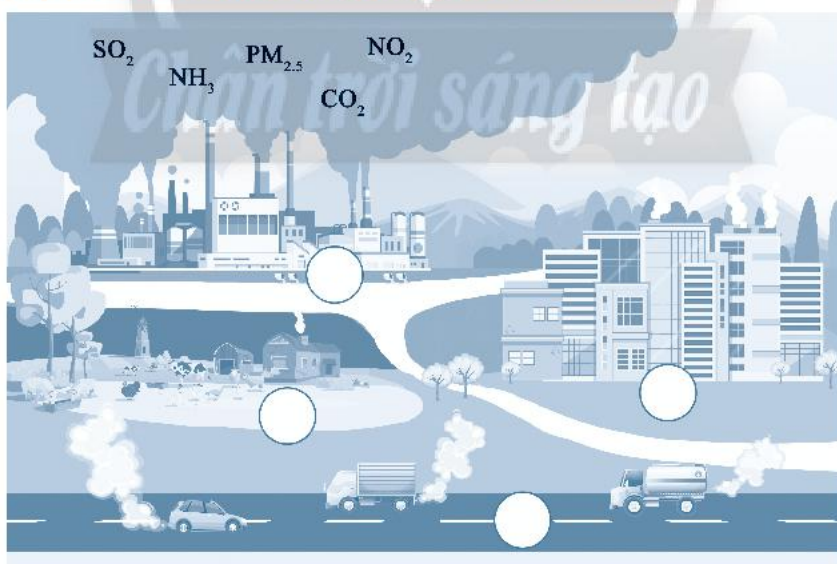
Sửa lại:

BÀI 3. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

Câu 1. Điền các thông tin còn thiếu vào sơ đồ dưới đây:



Câu 2. Hãy lựa chọn những cụm từ thích hợp trong hộp bên dưới, sau đó ghi số 1, 2, 3, 4 tương ứng vào ô tròn trống ở trên hình để thể hiện các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí ở châu Âu.



Hình 3. Một số nguồn gây ô nhiễm không khí ở châu Âu

1. Giao thông vận tải
2. Hoạt động công nghiệp
3. Sinh hoạt của dân cư
4. Hoạt động nông nghiệp

– Rút ra ý nghĩa của sự thay đổi trên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

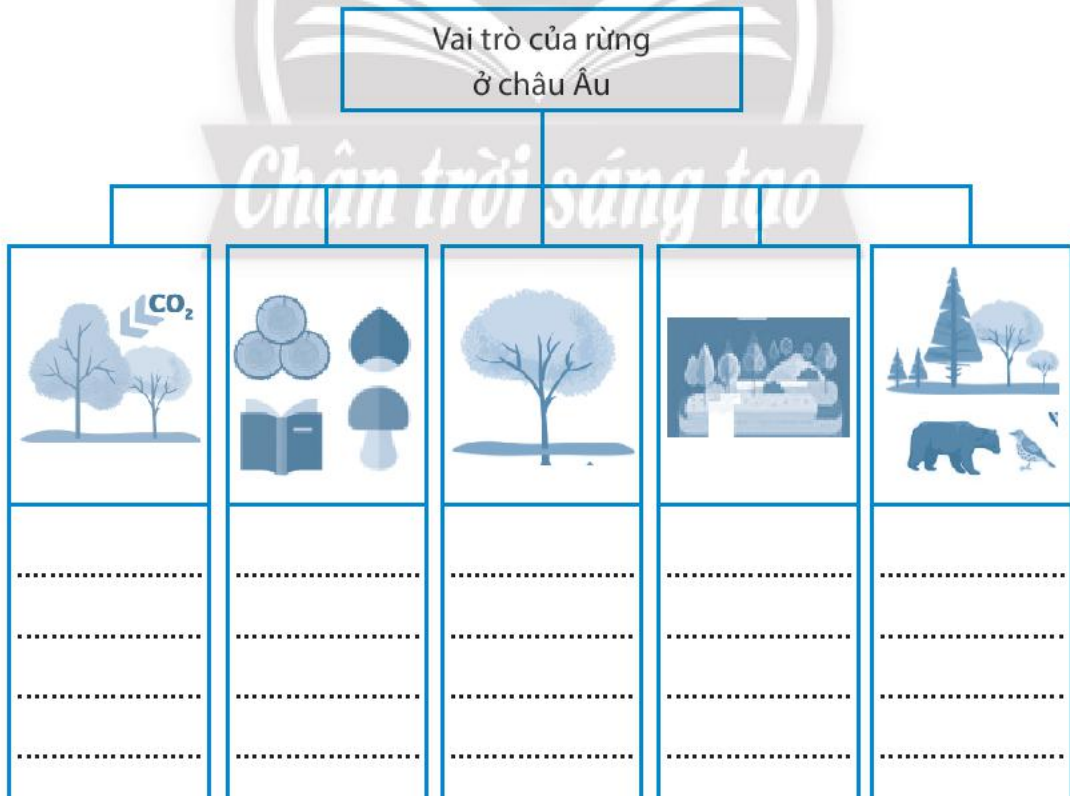
.....

.....

Câu 4. Hãy lựa chọn cụm từ thích hợp trong hộp thông tin và điền vào chỗ trống (...) dưới các hình trong sơ đồ cho phù hợp.

Bảo vệ đa dạng sinh học
Điều hoà khí hậu

Cung cấp gỗ, giấy, thực phẩm
Giữ đất
Giữ nước



Câu 5. Tìm hiểu thông tin trên internet hoặc sách, báo, tạp chí, hãy:

- Kể tên 5 loài động, thực vật bị sụt giảm về số lượng, có nguy cơ bị tuyệt chủng ở châu Âu.

- Lựa chọn một trong 5 loài động, thực vật kể trên để viết một đoạn thông tin (khoảng 100 từ), mô tả về đặc điểm, trình bày về thực trạng hiện nay và nêu nguyên nhân dẫn đến thực trạng này của loài đó.

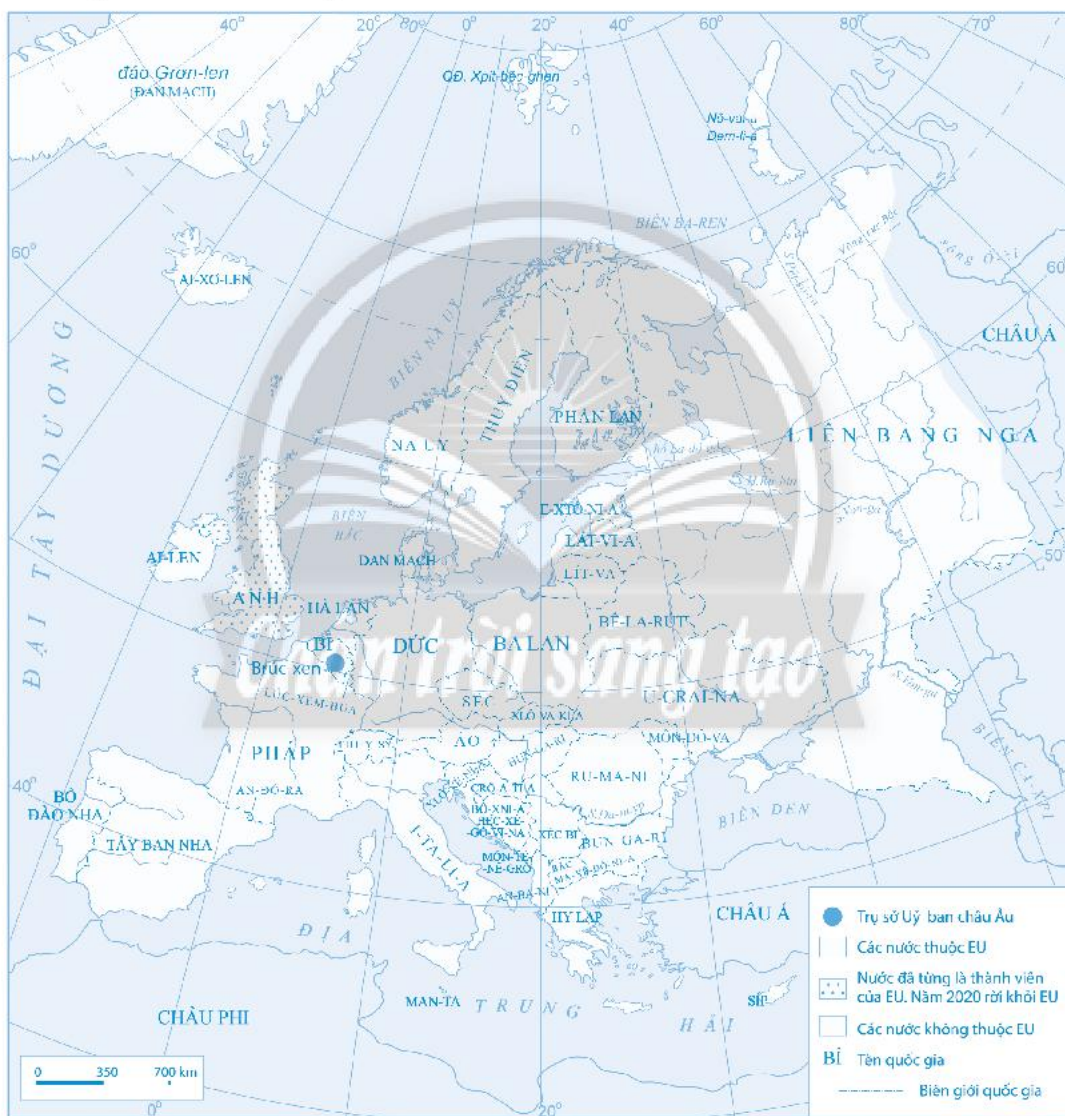
Câu 6. Hãy khoanh tròn chữ cái ứng với ý đúng.

1. Ý nào sau đây *không* đúng về môi trường không khí ở châu Âu?
 - A. Châu Âu rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường không khí.
 - B. Chất lượng môi trường không khí không được cải thiện.
 - C. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để kiểm soát khí phát thải.
 - D. Giảm sử dụng các nguồn năng lượng truyền thống.
2. Châu Âu đã thực hiện biện pháp gì để bảo vệ đa dạng sinh học?
 - A. Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên
 - B. Kiểm soát chặt hoạt động khai thác tài nguyên
 - C. Trồng rừng
 - D. Tất cả các ý trên

BÀI 4. LIÊN MINH CHÂU ÂU

Câu 1. Dựa vào hình 4 trong SGK, hãy:

- Tô màu cam vào các nước sáng lập Liên minh châu Âu gồm: Đức, Pháp, I-ta-li-a, Hà Lan, Bỉ, Lúc-xem-bua trong bản đồ dưới đây.
- Tô màu vàng vào các nước còn lại của Liên minh châu Âu, tính đến năm 2020 trong bản đồ dưới đây.



Hình 4. Bản đồ các nước thuộc Liên minh châu Âu, năm 2020

- Khi thành lập, Liên minh châu Âu gồm quốc gia.
- Năm 2020, Liên minh châu Âu gồm quốc gia.

Câu 2. Dựa vào bảng số liệu GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020 ở bài 4 trong SGK, hãy vẽ biểu đồ và rút ra nhận xét.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

- Tiền thân của Liên minh châu Âu là
 - Cộng đồng châu Âu.
 - Cộng đồng kinh tế châu Âu.
 - Cộng đồng than đá châu Âu.
 - Thị trường châu Âu.
- Năm 2020, nước nào rời khỏi Liên minh châu Âu?
 - Pháp
 - Anh
 - Đức
 - I-ta-li-a
- Năm 2020, đồng tiền chung châu Âu (Ơ-rô) được bao nhiêu nước thuộc Liên minh châu Âu sử dụng?
 - 18
 - 19
 - 20
 - 21
- Năm 2020, GDP của Liên minh châu Âu đứng thứ mấy trên thế giới?
 - Thứ nhất
 - Thứ hai
 - Thứ ba
 - Thứ tư
- Khu vực nào là đối tác kinh tế lớn của Liên minh châu Âu?
 - Bắc Mỹ
 - Châu Á – Thái Bình Dương
 - Châu Đại Dương
 - Trung và Nam Mỹ

Chương 2. CHÂU Á

BÀI 5. THIÊN NHIÊN CHÂU Á

Câu 1. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Châu Á tiếp giáp với
 - A. ba đại dương và ba châu lục.
 - B. ba đại dương và hai châu lục.
 - C. hai đại dương và ba châu lục.
 - D. bốn đại dương và ba châu lục.
2. Lãnh thổ châu Á có một số đảo và quần đảo kéo dài đến khoảng
 - A. Xích đạo.
 - B. chí tuyến Nam.
 - C. vĩ tuyến 5°N.
 - D. vĩ tuyến 10°N.
3. Nhận định nào sau đây đúng?
 - A. Châu Á có diện tích lớn nhất thế giới.
 - B. Châu Á có diện tích lớn thứ hai thế giới.
 - C. Châu Á có diện tích lớn thứ ba thế giới.
 - D. Châu Á có diện tích lớn thứ tư thế giới.
4. Khu vực núi, cao nguyên và sơn nguyên chiếm
 - A. 1/2 diện tích châu Á.
 - B. 1/4 diện tích châu Á.
 - C. 3/4 diện tích châu Á.
 - D. toàn bộ diện tích châu Á.
5. Châu Á có sơn nguyên đồ sộ nhất thế giới.
 - A. Đê-can
 - B. I-ran (Iran)
 - C. Tây Tạng
 - D. A-na-tô-ni (Anatolian)
6. Nhận định nào sau đây *không* đúng?
 - A. Châu Á có nguồn khoáng sản rất phong phú và trữ lượng lớn.
 - B. Khoáng sản có vai trò quan trọng với nhiều quốc gia ở châu Á.
 - C. Một số khoáng sản ở châu Á có trữ lượng bậc nhất thế giới.
 - D. Hoạt động khai thác khoáng sản ở châu Á hiện đại và gắn với bảo vệ môi trường.

7. Châu Á có các đới khí hậu
- A. cực và cận cực, ôn đới, cận nhiệt, nhiệt đới, xích đạo.
 - B. cận cực, ôn đới, cận nhiệt, nhiệt đới, cận xích đạo, xích đạo.
 - C. cực và cận cực, ôn đới, cận nhiệt, nhiệt đới, cận xích đạo, xích đạo.
 - D. cực và cận cực, ôn đới, cận nhiệt, nhiệt đới, cận xích đạo.
8. Kiểu khí hậu lục địa ở châu Á có đặc điểm
- A. mùa đông khô và nóng, mùa hạ mưa nhiều, lượng mưa trung bình năm dưới 300 mm.
 - B. mùa hạ khô và nóng, mùa đông mưa nhiều, lượng mưa trung bình năm dưới 700 mm.
 - C. mùa hạ khô và nóng, mùa đông lạnh và khô, lượng mưa trung bình năm dưới 700 mm.
 - D. mùa hạ khô và nóng, mùa đông lạnh và khô, lượng mưa trung bình năm dưới 300 mm.
9. Kiểu khí hậu gió mùa ở châu Á có đặc điểm
- A. mùa đông lạnh và khô; mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều.
 - B. mùa đông lạnh và ẩm; mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều.
 - C. mùa đông lạnh và khô; mùa hạ nóng, khô, mưa ít.
 - D. mùa đông lạnh và ẩm, mùa hạ nóng, khô, mưa ít.
10. Hồ nước ngọt sâu nhất thế giới ở châu Á là
- A. Bai-can.
 - B. A-ran.
 - C. Ban-khát.
 - D. Biển Hồ.
11. Nhận định nào sau đây *không* đúng?
- A. Châu Á có hệ thống sông lớn bậc nhất thế giới.
 - B. Sông ngòi châu Á phân bố không đều.
 - C. Ở Tây Nam Á và Trung Á, sông có lượng nước lớn.
 - D. Ở Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á, sông có lượng nước lớn.
12. Đới thiên nhiên nào chiếm diện tích lớn nhất ở châu Á?
- A. Đới lạnh
 - B. Đới ôn hoà
 - C. Đới nóng
 - D. Các đới có diện tích bằng nhau
13. Đới thiên nhiên phổ biến là hoang mạc cực, đồng rêu và đồng rêu rừng là
- A. đới lạnh.
 - B. đới ôn hoà.
 - C. đới nóng.
 - D. tất cả các đới trên.

14. Thực vật điển hình của đới nóng ở châu Á là

- A. rừng lá rộng.
- B. rừng lá kim.
- C. hoang mạc.
- D. rừng nhiệt đới.

15. Việc khai thác và sử dụng đới thiên nhiên ở châu Á cần chú ý vấn đề

- A. bảo vệ và phục hồi rừng.
- B. trồng rừng.
- C. khai thác hợp lí.
- D. hạn chế cháy rừng.

Câu 2. Hãy nối thông tin trong các cột dưới đây cho phù hợp để thể hiện vị trí địa lí tiếp giáp của châu Á với các châu lục, đại dương.



Câu 3. Dựa vào hình 5.1 và thông tin trong SGK, hãy xác định đối tượng được nhắc đến trong các đoạn thông tin dưới đây.

1. A cao khoảng 4 500 m, đồ sộ nhất thế giới.

A là

2. B tiếp giáp với châu Á về phía tây nam qua eo đất Xuy-ê.

B là

3. C là đồng bằng được bồi đắp bởi phù sa của sông Hoàng Hà.

C là

4. D nằm trong dãy núi Hi-ma-lay-a, có độ cao 8 848 m.

D là.....

5. Đ là cao nguyên nằm ở phía bắc của châu Á, bao quanh bởi hai con sông I-ê-nít-xây và Lê-na.

Đ là.....

6. E là hoang mạc nằm sâu trong nội địa của châu Á, phía tây và phía bắc tiếp giáp với dãy Thiên Sơn, phía nam tiếp giáp với dãy núi Côn Luân.

E là.....

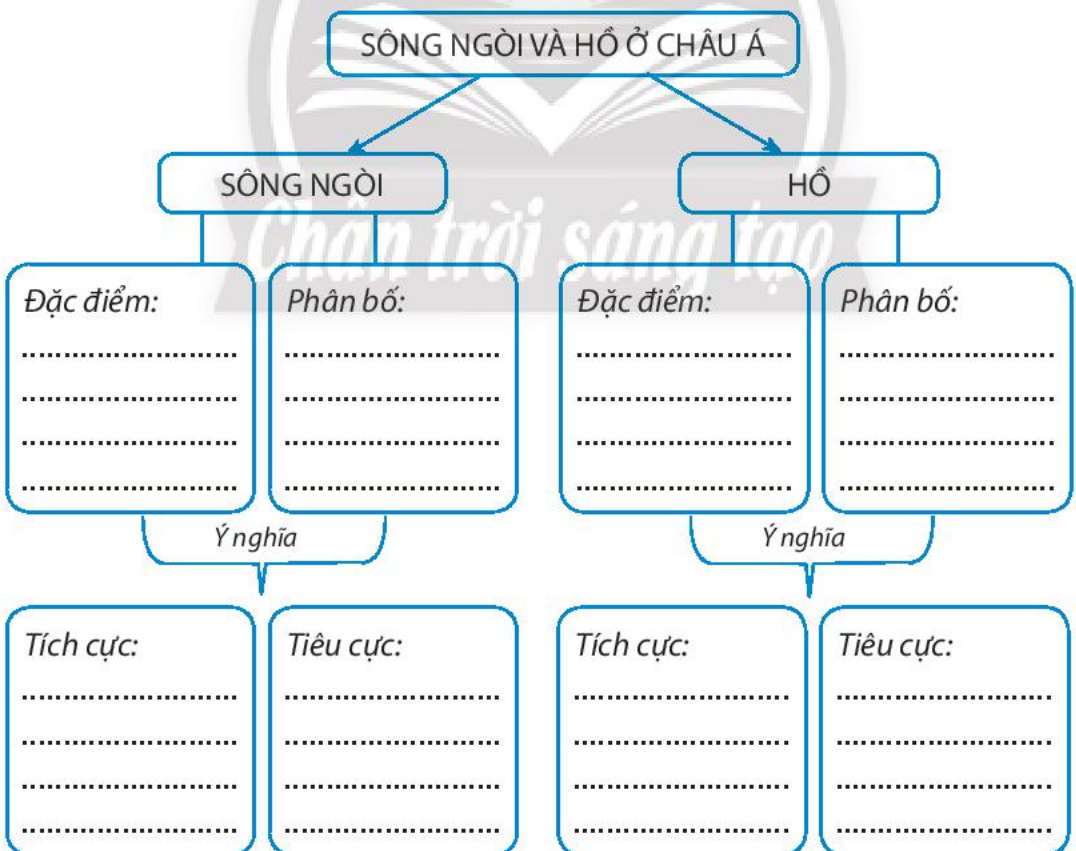
7. G được mệnh danh là “vàng đen” và có trữ lượng lớn, phân bố nhiều ở vùng vịnh Péc-xích, Biển Đông.

G là.....

8. H nằm sâu trong nội địa châu Á, là nơi hai con sông Xưa Đa-ria (Syr Darya) và A-mu Đa-ri-a (Amu Darya) đổ vào.

H là.....

Câu 4. Hãy hoàn thành sơ đồ dưới đây.



Câu 5. Chuyên mục đọc báo cùng bạn.

Đoạn 1 Ngôi làng Mo-sin-ram (Mawsynram) ở Đông Bắc Ấn Độ với lượng mưa khoảng 11 873 mm/năm là nơi mưa nhiều nhất thế giới. Đặc biệt vào mùa hạ, do địa thế nằm ở sườn núi Đông Bắc Ấn Độ, chắn gió từ biển thổi vào, lượng mưa tháng 7 đo được tới 7 000 mm. Khí hậu ẩm ướt tạo nhiều nét độc đáo cho ngôi làng. Ở đây mây thường cuộn tròn bên vách núi hoặc bay thẳng vào nhà; dân thường dùng mũ che mưa có hình dạng như chiếc thuyền được làm bằng tre và lá chuối giúp họ đứng vững trước những cơn gió lớn trong mưa. Những mái nhà trong làng được lót lớp cỏ dày để giảm tiếng ồn của mưa. Mưa nhiều nên thực vật phát triển mạnh. Những cây cầu, những bậc thang trong rừng được bện bằng rễ cây đa, cây si; cây già nhất đã hơn 500 năm tuổi. Sạt lở đất phổ biến sau mỗi trận mưa.



Hình 5.1. Mũ che mưa (knups) và những cây cầu bằng rễ cây ở ngôi làng Mo-sin-ram

Đoạn 2 Đát-e Lút (Dasht-e Lut) là một sa mạc muối ở sơn nguyên I-ran – giữ kỉ lục nhiệt độ cao nhất ($70,7^{\circ}\text{C}$). Có nhiều nguyên nhân khiến nơi đây là vùng đất khô cằn không có người sinh sống. Sa mạc này nằm gần chí tuyến Bắc và nằm sâu trong lục địa. Cùng với đó là các dãy núi bao quanh sa mạc, ngăn cản ảnh hưởng của gió biển từ Địa Trung Hải và A-ráp. Bề mặt sa mạc là đá cuội đen núi lửa, màu sẫm hấp thụ hầu hết năng lượng bức xạ mặt trời, chỉ phản xạ phần nhỏ. Đất mặn khiến thực vật không thể tồn tại, chỉ có một số loài địa y sa mạc và những cây bụi cao tới 10 m.



Hình 5.2. Sa mạc Đát-e Lút, I-ran

Qua hai đoạn thông tin trên, hãy cho biết:

1. Hai đoạn thông tin trên đề cập tới khu vực khí hậu nào ở châu Á.

Đoạn 1:

Đoạn 2:

2. Phân bố của hai khu vực khí hậu này ở châu Á.

Đoạn 1

.....

.....

Đoạn 2

.....

.....

3. Những từ khoá mô tả đặc điểm khí hậu ở hai đoạn thông tin trên.

Đoạn 1

.....

.....

Đoạn 2

.....

.....

4. Khí hậu có ảnh hưởng như thế nào tới hoạt động kinh tế – xã hội ở châu Á.

Đoạn 1

.....

.....

.....

.....

.....

Đoạn 2

.....

.....

.....

.....

.....

5. Em có đề xuất giải pháp gì giúp người dân khắc phục những hạn chế do đặc điểm khí hậu mang lại.

Đoạn 1

.....

.....

.....

.....

Đoạn 2

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Hãy điền Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ☐ ở cuối các câu dưới đây. Nếu thông tin sai, hãy sửa lại cho đúng.

1. Địa hình núi châu Á theo hai hướng chính: đông – tây hoặc gần đông – tây, bắc nam hoặc gần bắc – nam. ☐

Sửa lại:

2. Càng gần về phía biển, địa hình châu Á cao dần. ☐

Sửa lại:

3. Châu Á có đầy đủ các đới khí hậu trên thế giới và phân hoá đa dạng thành nhiều kiểu khí hậu. ☐

Sửa lại:

4. Vùng khí hậu ẩm thuận lợi cho phát triển nông nghiệp nhưng thường có bão, lũ. ☐

Sửa lại:

5. Các sông ở khí hậu gió mùa lũ quanh năm. ☐

Sửa lại:

Câu 7. Hãy chọn các hình ảnh ở cột A cho phù hợp với các thông tin ở cột B và ghi vào chỗ trống (...) bên dưới bảng. Sau đó ghi tên đới thiên nhiên tương ứng với kết quả đó.

A	B
 1	a. Đồng rêu
 2	b. Xavan
 3	c. Rừng lá rộng
 4	d. Rừng nhiệt đới

1
Đới
3
Đới

2
Đới
4
Đới

 5	đ. Rừng lá kim
 6	e. Hoang mạc
 7	g. Băng tuyết núi cao
 8	h. Thảo nguyên

5

Đới

7

Đới

6

Đới

8

Đới

Câu 8. Hãy sưu tầm một câu chuyện và hai hình ảnh về các vùng khí hậu hoặc các đới thiên nhiên ở châu Á như hai đoạn thông tin đã đề cập ở câu 5. Ghi tóm tắt câu chuyện và dán hai hình ảnh vào các ô tương ứng dưới đây.

[illegible]

Hãy kể câu chuyện của mình và chia sẻ hình ảnh sâu tằm được với các bạn.

BÀI 6. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

Câu 1. Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Dân số, tỉ lệ gia tăng tự nhiên và mật độ dân số châu Á, giai đoạn 2000 – 2020

Năm	Dân số (tỉ người)	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%)	Mật độ dân số (người/km ²)
2000	3,74	1,31	121
2005	3,98	1,19	128
2010	4,21	1,10	136
2015	4,43	1,00	143
2020	4,64	0,86	150

Hãy hoàn thành bảng sau:

Giai đoạn	Số dân tăng thêm (tỉ người)	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm đi (%)	Mật độ dân số tăng thêm (người/km ²)
2000 – 2005			
2005 – 2010			
2010 – 2015			
2015 – 2020			

– Nhận xét về sự gia tăng dân số châu Á trong giai đoạn 2000 – 2020.

.....

.....

.....

.....

– Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của châu Á có xu hướng thay đổi như thế nào?

.....

– Mật độ dân số của châu Á có xu hướng thay đổi như thế nào?

.....

Câu 2. Dựa vào hình 6.1 trong SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây:

Mật độ dân số (người/km ²)	Quốc gia
Trên 100 người/km ²	
Từ 51 đến 100 người/km ²	
Từ 25 đến 50 người/km ²	
Dưới 25 người/km ²	

Câu 3. Hãy nối các đô thị (ở cột A) với các quốc gia (ở cột B) cho phù hợp.

A	B
Quảng Châu	Trung Quốc
Gia-các-ta (Jakarta)	In-đô-nê-xi-a
Niu Đê-li (New Dehli)	Ấn Độ
Ma-ni-la (Manila)	Phi-líp-pin
Xê-un (Seoul)	Hàn Quốc
Băng Cốc (Bangkok)	Nhật Bản
Tô-ky-ô	Thái Lan

Câu 4. Hãy điền Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ô ☐ ở cuối các câu dưới đây. Nếu thông tin sai, hãy sửa lại cho đúng.

1. Châu Âu là nơi ra đời của các tôn giáo lớn, bao gồm Ki-tô giáo, Hồi giáo. ☐
Sửa lại:

2. Châu Á đứng đầu thế giới về số lượng các đô thị có quy mô dân số lớn. ☐
Sửa lại:
3. Ki-tô giáo và Hồi giáo đều ra đời trên vùng đất Nam Á. ☐
Sửa lại:
4. Cơ cấu dân số theo giới của các nước châu Á thường có tỉ lệ nam cao hơn nữ. ☐
Sửa lại:

Câu 5. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Năm 2020, châu Á (chưa tính Liên bang Nga) có mật độ dân số là
A. 143 người/km². B. 147 người/km².
C. 149 người/km². D. 150 người/km².
2. Dân cư châu Á thuộc chủng tộc nào là chủ yếu?
A. Môn-gô-lô-it B. Ơ-rô-pê-ô-it
C. Ô-xtra-lô-it D. Nê-grô-it
3. Phật giáo ra đời ở quốc gia nào của châu Á?
A. Ấn Độ B. Trung Quốc
C. Thái Lan D. Lào
4. Quốc gia có dân số đông thứ hai ở châu Á (năm 2020) là
A. Ấn Độ. B. Trung Quốc.
C. In-đô-nê-xi-a. D. Nhật Bản.
5. Đa số các quốc gia châu Á có
A. cơ cấu dân số già là chủ yếu.
B. cơ cấu dân số trẻ là chủ yếu.
C. cơ cấu dân số bước vào giai đoạn già hoá.
D. cơ cấu dân số bước vào giai đoạn dân số vàng.

BÀI 7. BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á, CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Câu 1. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

- Số quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc châu Á (năm 2020) là
A. 49. B. 50. C. 51. D. 52.
- Trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nước châu Á
A. chủ yếu là các nước phát triển.
B. chủ yếu là các nước đang phát triển.
C. có trình độ phát triển rất khác nhau.
D. chủ yếu là công nghiệp hiện đại.
- Khu vực Đông Nam Á bao gồm các quốc gia:
A. Việt Nam, Mi-an-ma, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Phi-líp-pin, Pa-ki-xtan.
B. Việt Nam, Mi-an-ma, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Phi-líp-pin, Đông Ti-mo.
C. Việt Nam, Mi-an-ma, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Đông Ti-mo, Nhật Bản.
D. Việt Nam, Mi-an-ma, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Đông Ti-mo, Hàn Quốc.

Câu 2. Dựa vào thông tin hình 7.1 trong SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây:

STT	Khu vực	Các quốc gia và thủ đô
1	Bắc Á	
2	Trung Á	
3	Đông Á	

4	Tây Á (Tây Nam Á)	
5	Nam Á	
6	Đông Nam Á	

Câu 3. Dựa vào hình 7.2, hình 7.3, hình 7.4, hình 7.5, hình 7.6 cùng thông tin trong SGK và thực hiện các nội dung sau:

1. Bắc Á có ba khu vực địa hình chính nào?

.....
.....

2. Trung Á có những cảnh quan chính nào?

.....
.....

3. Đông Á có những sông ngòi chính nào?

.....
.....

4. Hồ nước mặn nổi tiếng trên thế giới, nằm dưới mực nước biển 427 m là hồ nào?

.....
.....

5. Tây Á và Nam Á có những loại khoáng sản chính nào?

.....
.....

6. Nam Á có ba miền địa hình nào?

.....
.....

7. Đông Nam Á có hai bộ phận lãnh thổ nào?

.....
.....

Câu 4. Dựa vào hình 7.3, hình 7.4, hình 7.5, hình 7.6 và thông tin trong SGK, hãy nối hình ảnh (ở cột A) với các thông tin (ở cột B) cho phù hợp.

A	B
1. 	a. Cảnh quan núi cao – dãy Hi-ma-lay-a, Nê-pan (Nepal) (Khu vực Nam Á)
2. 	b. Cảnh quan núi lửa – núi Phú Sĩ, Nhật Bản (Khu vực Đông Á)
3. 	c. Cảnh quan hoang mạc Rúp en Kha-li (Rub al Khali), Ô-man (Oman) (Khu vực Tây Á)
4. 	d. Cảnh quan rừng tràm Trà Sư, An Giang, Việt Nam (Khu vực Đông Nam Á)

Câu 5. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Quốc gia có diện tích lãnh thổ lớn nhất ở Nam Á là
A. Pa-ki-xtan (Pakistan). B. Băng-la-đét (Bangladesh).
C. Ấn Độ. D. Nê-pan.
2. Khu vực Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?
A. Nhiệt đới B. Xích đạo
C. Nhiệt đới gió mùa D. Ôn đới
3. Khu vực địa hình cao nhất của Nam Á là
A. hệ thống dãy Hi-ma-lay-a. B. sơn nguyên Ê-can.
C. dãy Gát (Ghats) Đông và Gát Tây. D. đồng bằng Ấn – Hằng.
4. Khí hậu chủ yếu của Tây Á là
A. khí hậu gió mùa. B. khí hậu hải dương.
C. khí hậu lục địa. D. khí hậu xích đạo.
5. Địa hình chủ yếu của Tây Á là
A. núi và sơn nguyên. B. đồng bằng.
C. hoang mạc. D. cao nguyên.
6. Núi Phú Sĩ là biểu tượng của quốc gia nào ở Đông Á?
A. Trung Quốc B. Nhật Bản
C. Hàn Quốc D. Triều Tiên
7. Đông Á có thể chia thành mấy bộ phận?
A. 1 B. 2
C. 3 D. 4
8. Phần hải đảo của Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của những thiên tai nào?
A. Bão tuyết B. Động đất, núi lửa
C. Lốc xoáy D. Hạn hán kéo dài
9. Đông Nam Á chủ yếu nằm trong kiểu khí hậu nào?
A. Khí hậu gió mùa B. Khí hậu cận nhiệt địa trung hải
C. Khí hậu lục địa D. Khí hậu núi cao
10. Đông Nam Á là cầu nối của hai đại dương nào?
A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương
B. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương
C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương
D. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương

Bài 8. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU CÁC NỀN KINH TẾ LỚN VÀ KINH TẾ MỚI NỔI Ở CHÂU Á

Dựa vào thông tin trong SGK và bảng số liệu dưới đây:

Xếp hạng các quốc gia ở châu Á theo GDP, năm 2020

Xếp hạng ở châu Á	Quốc gia/ vùng lãnh thổ	GDP (tỉ USD)	Xếp hạng trên thế giới
	Thế giới	87 751,541	
1.	Trung Quốc	14 342,903	2
2.	Nhật Bản	5 081,770	3
3.	Ấn Độ	2 875,142	5
4.	Hàn Quốc	1 642,383	12
5.	In-đô-nê-xi-a	1 119,191	16
6.	A-rập Xê-út (Saudi Arabia)	792,967	18
7.	Thổ Nhĩ Kỳ	754,412	19
8.	Đài Loan	574,905	21
9.	Thái Lan	543,650	23
10.	I-ran	445,345	29
11.	Các tiểu vương quốc A-rập Thống Nhất (UAE)	421,142	30
12.	I-xra-en (Israel)	395,099	32
13.	Phi-líp-pin	376,796	34
14.	Xin-ga-po	372,063	35
15.	Ma-lai-xi-a (Malaysia)	364,702	37
16.	Băng-la-đét	302,571	42
17.	Pa-ki-xtan	278,222	44
18.	Việt Nam	261,921	46
19.	I-rắc (Iraq)	234,094	50
20.	Ca-ta (Qatar)	183,466	54

(Nguồn: Ngân hàng thế giới (WB), 2020)

Hãy hoàn thành các nội dung sau:

1. Nền kinh tế lớn nhất châu Á tính theo GDP là quốc gia nào?

.....

2. Nền kinh tế đứng vị trí 20 trong bảng xếp hạng tính theo GDP là quốc gia nào?

.....

3. Chênh lệch giữa nền kinh tế lớn nhất và thấp nhất trong bảng xếp hạng là bao nhiêu?

.....

4. Việt Nam là nền kinh tế lớn thứ mấy ở châu Á?

.....

5. Những quốc gia nào có vai trò quan trọng trong nền kinh tế ở châu Á? Vì sao?

.....

.....

.....

6. Những quốc gia nào thuộc khu vực Đông Á?

.....

.....

7. Những quốc gia nào thuộc khu vực Đông Nam Á?

.....

.....

8. Những quốc gia nào thuộc khu vực Tây Á?

.....

.....

9. Những quốc gia nào thuộc khu vực Nam Á?

.....

.....

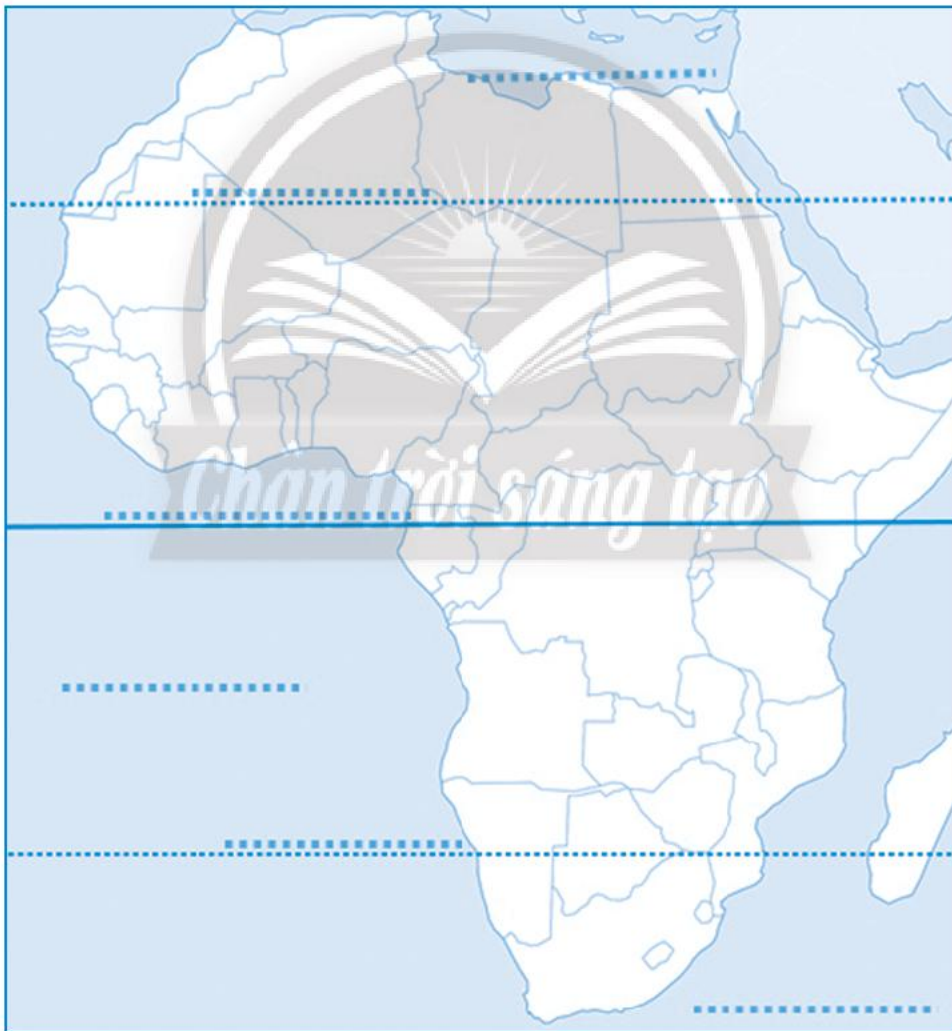


Chương 3. CHÂU PHI

BÀI 9. THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

Câu 1. Hãy điền thông tin phù hợp vào chỗ trống (...) trong lược đồ dưới đây:

- Xích đạo, chí tuyến Bắc, chí tuyến Nam.
- Các biển và đại dương tiếp giáp: Địa Trung Hải, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương.



Hình 9. Lược đồ vị trí địa lí châu Phi

Câu 2. Hãy nêu ba điều đặc biệt về vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ của châu Phi.

.....

.....

.....

Câu 3. Xác định thông tin Đúng hoặc Sai bằng cách đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

STT	Đặc điểm địa hình và khoáng sản châu Phi	Đúng	Sai
1	Bề mặt địa hình khá bằng phẳng.		
2	Đồng bằng chiếm diện tích chủ yếu.		
3	Độ cao trung bình khoảng 750 m so với mực nước biển.		
4	Sơn nguyên phân bố chủ yếu ở phía tây.		
5	Địa hình thấp dần từ phía đông nam về phía tây bắc.		
6	Có nhiều hoang mạc rộng lớn và rất khô hạn.		
7	Địa hình chủ yếu là sơn nguyên xen với các bồn địa.		
8	Đồng bằng phân bố ở ven biển.		
9	Châu Phi giàu tài nguyên khoáng sản: vàng, kim cương, sắt, dầu mỏ, crôm,...		
10	Tài nguyên khoáng sản phân bố đều khắp lãnh thổ.		

Câu 4. Dựa vào hình 9.1 trong SGK, hãy nối thông tin (ở cột A) với thông tin (ở cột B) cho phù hợp về sự phân bố của khoáng sản ở châu Phi.

Cột A	Cột B
1. Vàng	a. Nam Phi và ven vịnh Ghi-nê.
2. Kim cương	b. Nam Phi.
3. Dầu mỏ, khí đốt	c. Bắc Phi và ven vịnh Ghi-nê.
4. Sắt	d. Nam Phi, hoang mạc Xa-ha-ra và phía tây gần Xích đạo.
5. Đồng, crôm	đ. Dây Át-lát, Tây và Nam Phi.
6. U-ra-ni-um	e. Trung và Nam Phi.

Câu 5. Dựa vào hình 9.1 trong SGK và sưu tầm thêm thông tin, hãy:

– Kể tên các dòng biển nóng và dòng biển lạnh chảy ven bờ biển châu Phi.

– Cho biết đặc điểm đường bờ biển và dòng lạnh chảy ven bờ biển ảnh hưởng gì đến khí hậu của châu Phi.

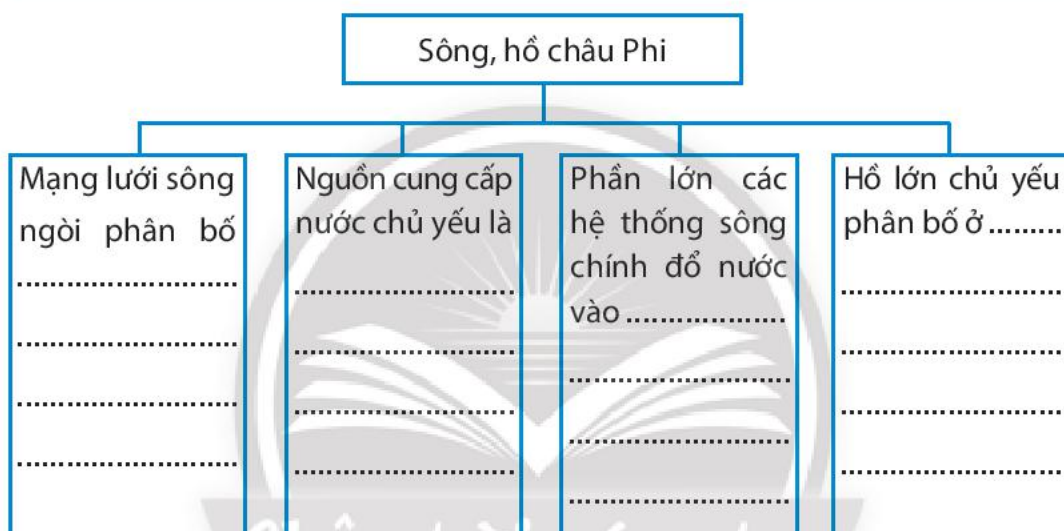
Câu 6. Hãy điền nội dung phù hợp với đặc điểm của các đới khí hậu châu Phi vào bảng dưới đây:

Đới khí hậu	Đặc điểm
Xích đạo	<i>Chân trời sáng tạo</i>
Cận xích đạo	
Nhiệt đới	

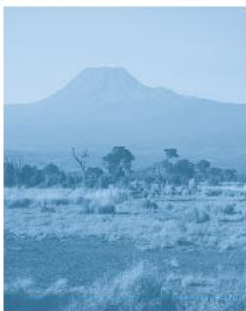
Cận nhiệt	

Câu 7. Hãy sử dụng những từ cho trong hộp thông tin để hoàn thành sơ đồ dưới đây:

Đại Tây Dương Đông Phi không đều nước mưa



Câu 8. Hãy điền tên môi trường tự nhiên ở châu Phi vào chỗ trống (...) của các hình ảnh dưới đây cho phù hợp.

			
..... 			

Câu 9. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Châu Phi có diện tích thứ 3 trên thế giới, đứng sau
 - A. châu Á, châu Mỹ.
 - B. châu Á, châu Đại Dương.
 - C. châu Á, châu Âu.
 - D. châu Á, châu Nam Cực.
2. Kênh đào Xuy-ê nối
 - A. Biển Đỏ với Địa Trung Hải.
 - B. Biển Đỏ với vịnh A-đen.
 - C. Địa Trung Hải với Đại Tây Dương.
 - D. Vịnh A-đen và Ấn Độ Dương.
3. Nhận định nào sau đây *không* phải là đặc điểm đường bờ biển châu Phi?
 - A. Ít bị chia cắt
 - B. Ít vịnh biển
 - C. Ít bán đảo
 - D. Nhiều đảo lớn
4. Châu Phi có độ cao trung bình so với mực nước biển
 - A. 600 m.
 - B. 650 m.
 - C. 700 m.
 - D. 750 m.
5. Dạng địa hình chủ yếu ở châu Phi là
 - A. núi cao và đồng bằng.
 - B. đồng bằng và bồn địa.
 - C. núi cao và bồn địa.
 - D. sơn nguyên và bồn địa.
6. Hoang mạc Xa-ha-ra nằm ở khu vực
 - A. Tây Phi.
 - B. Đông Phi.
 - C. Bắc Phi.
 - D. Nam Phi.
7. Các khoáng sản chủ yếu của Nam Phi là
 - A. kim cương, đồng.
 - B. vàng, sắt.
 - C. vàng, kim cương.
 - D. dầu mỏ, bô-xit.
8. Đới khí hậu cận nhiệt nằm ở
 - A. rìa phía bắc châu Phi.
 - B. rìa phía nam châu Phi.
 - C. Cả A và B đều đúng.
 - D. Cả A và B đều sai.
9. Châu Phi có khí hậu nóng là do
 - A. đại bộ phận lãnh thổ nằm giữa hai đường chí tuyến.
 - B. đại bộ phận lãnh thổ nằm ngoài đường chí tuyến.
 - C. có nhiều hoang mạc.
 - D. ảnh hưởng của dòng biển nóng chảy ven bờ.
10. Thực vật chủ yếu ở môi trường xích đạo của châu Phi là
 - A. rừng lá cứng.
 - B. rừng thưa.
 - C. rừng thường xanh.
 - D. đồng cỏ.

Bài 10. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU PHI

Câu 1. Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Quy mô dân số của châu Phi và thế giới, giai đoạn 2000 – 2020

Đơn vị: nghìn người

	2000	2005	2010	2015	2020
Thế giới	6 143 494	6 541 907	6 956 824	7 379 797	7 794 799
Châu Phi	810 984	916 154	1 039 304	1 182 439	1 340 598

- Hãy vẽ biểu đồ thể hiện quy mô dân số châu Phi và thế giới.
- Tính tỉ trọng dân số châu Phi so với thế giới qua các năm.

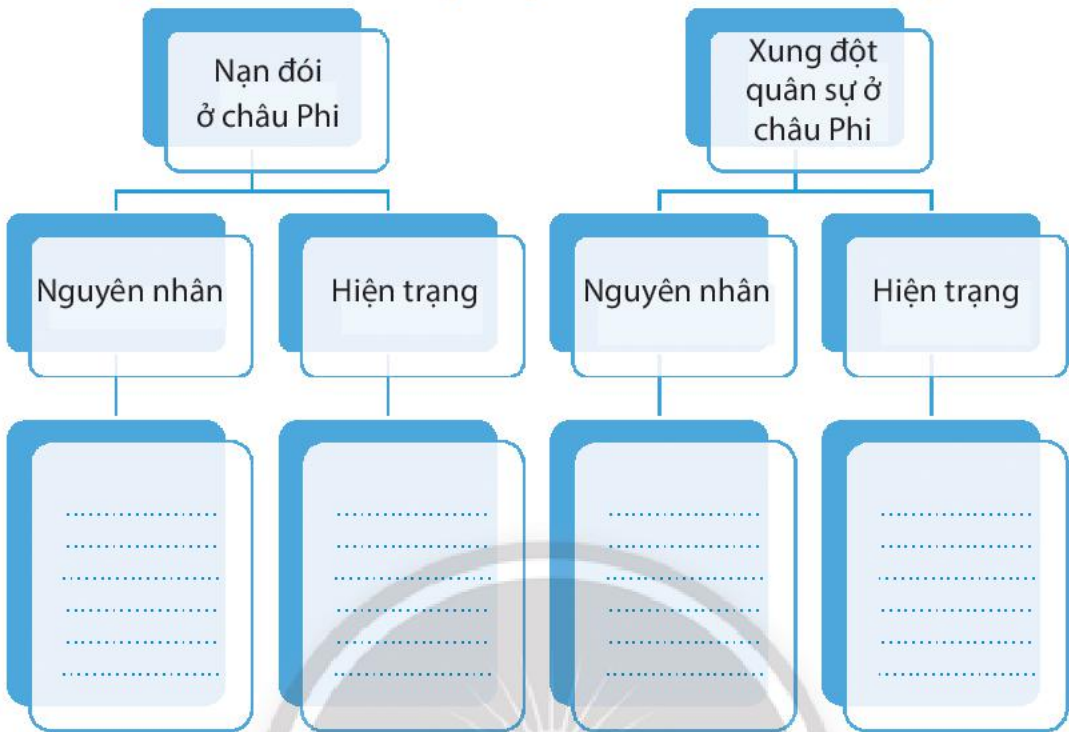


Tên biểu đồ:

Tỉ trọng dân số châu Phi so với thế giới:

	2000	2005	2010	2015	2020
Thế giới (%)					
Châu Phi (%)					

Câu 2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành sơ đồ dưới đây:



Câu 3. Hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống (...) của đoạn văn dưới đây.

khủng bố

phá huỷ

kinh phí

di sản

Việc chăm sóc và bảo vệ các như công tác trùng tu, bảo tồn gặp khó khăn do nguồn lớn, nguy cơ xung đột quân sự, hoạt động, ảnh hưởng của thiên tai,... làm các công trình bị, xuống cấp. Để bảo vệ và phát huy giá trị của các này đòi hỏi sự chung tay bảo vệ của chính quyền và nhân dân các nước châu Phi cũng như cộng đồng quốc tế.

Câu 4. Hãy tìm thông tin về quốc gia và số dân của một số đô thị ở châu Phi và điền vào bảng dưới đây:

Thành phố	Quốc gia	Số dân
La-gốt (Lagos)		
Cai-rô (Cairo)		
Kin-sa-xa (Kinshasa)		
Nai-rô-bi (Nairobi)		
Lu-an-đa (Luanda)		

Bài 11. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

Câu 1. Hãy nối các hình (ở cột A) với các thông tin tương ứng (ở cột B và C) cho phù hợp.

Cột A	Cột B	Cột C
1. 	a. Trồng bông	A. Môi trường cận nhiệt
2. 	b. Trồng lúa mì	B. Môi trường hoang mạc
3. 	c. Trồng cọ dầu	
4. 	d. Du lịch hoang mạc	C. Môi trường xích đạo
5. 	đ. Du lịch nghỉ dưỡng	D. Môi trường nhiệt đới

Câu 2. Xác định ý Đúng hoặc Sai cho các thông tin dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

Thông tin	Đúng	Sai
Các loài động vật hoang dã châu Phi rất đa dạng.		
Tất cả các quốc gia ở châu Phi đều có vườn quốc gia.		
Việc săn bắn động vật hoang dã ở châu Phi đều được công nhận.		
Ngà voi là một sản phẩm thương mại.		
Nhiều quốc gia đều có quy định rất nghiêm đối với việc mua bán động vật hoang dã.		

Câu 3. Hãy vẽ một bức tranh và sáng tác một thông điệp kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã ở châu Phi.



Thông điệp:

.....

BÀI 12. THỰC HÀNH: SƯU TẦM TƯ LIỆU VỀ CỘNG HOÀ NAM PHI

Câu 1. Dựa vào nội dung bài 12 trong SGK, hãy:

– Hoàn thành sơ đồ dưới đây:



Hình 12. Sơ đồ các bước trình bày một sự kiện lịch sử

– Theo em, bước nào là quan trọng nhất? Vì sao?



Câu 2. Dựa vào nội dung mục 1, bài 12 trong SGK, hãy hoàn thành sơ đồ dưới đây:

dưới đây:

Xây dựng
kế hoạch
thực hiện
báo cáo
trình bày
một sự kiện
lịch sử

Chạm trời sáng tạo

– Theo em, để tăng tính hiệu quả, việc sưu tầm tài liệu từ internet cần lưu ý điều gì?

.....

.....

.....

.....

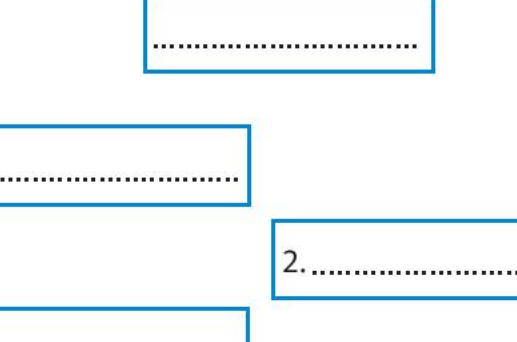
.....

- Lấy ví dụ cụ thể về cách sưu tầm tài liệu của một trong bốn chủ đề về sự kiện lịch sử của Công hoà Nam Phi trong SGK.



Câu 3. Dựa vào thông tin bên dưới, hãy điền các chữ A, B, C, D vào chỗ trống (...) theo thứ tự nội dung trình bày của bài báo cáo một sự kiện lịch sử.

- A. Nội dung chính sự kiện
- B. Khái quát về sự kiện (thời gian, địa điểm, bối cảnh ra đời)
- C. Tên sự kiện
- D. Ý nghĩa chính trị, kinh tế – xã hội của sự kiện



1.

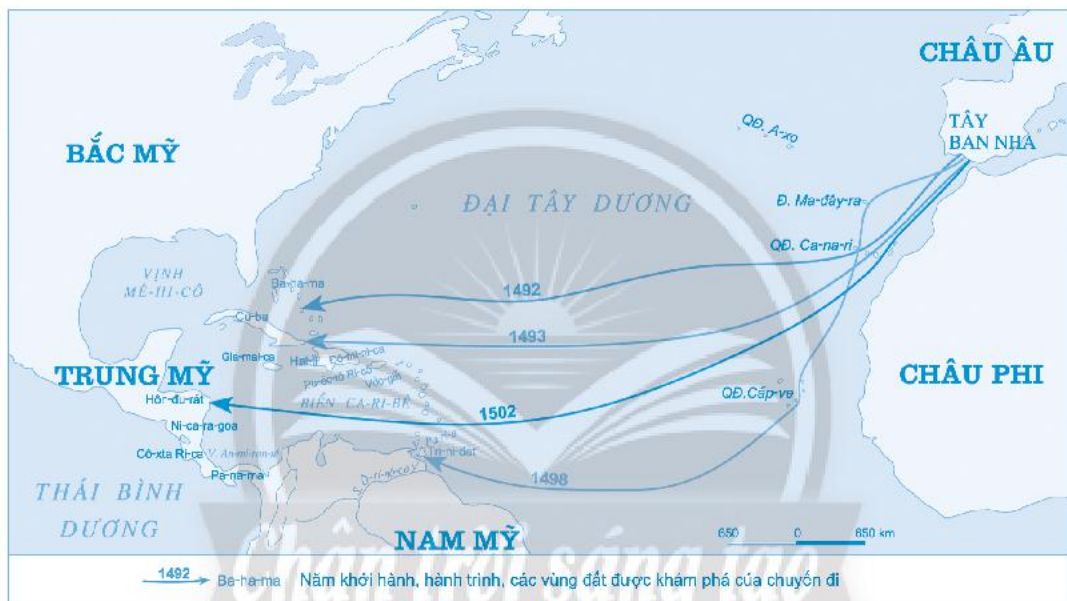
2.

3.

Chương 4. CHÂU MỸ

BÀI 13. PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ, VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI CHÂU MỸ

Câu 1. Dựa vào hình 13.1, hãy:



Hình 13.1. Lược đồ các cuộc hải trình đến châu Mỹ của Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô

1. Điền thông tin thích hợp vào bảng dưới đây:

Chuyến đi	Năm khởi hành	Nơi xuất phát	Hướng di chuyển	Vùng đất được khám phá
Chuyến đi thứ nhất				
Chuyến đi thứ hai				
Chuyến đi thứ ba				
Chuyến đi thứ tư				

2. Nêu những thay đổi nhận thức của người châu Âu về thế giới sau các cuộc hải trình của Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô.

.....

.....

3. Giải thích vì sao châu Mỹ có nền văn hoá đa dạng và đặc sắc.

.....

.....

.....

Câu 2. Dựa vào hình bên dưới, hãy điền tên các đại dương vào ô trống và tô màu 3 khu vực: Bắc Mỹ, Trung Mỹ, Nam Mỹ.



Hình 13.2. Lược đồ các khu vực châu Mỹ

.....

.....

Câu 3. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô đã thực hiện bao nhiêu cuộc hải trình đến châu Mỹ?
A. 1 B. 2 C. 3 D. 4
2. Châu Mỹ có diện tích tự nhiên xếp thứ mấy so với các châu lục khác trên thế giới?
A. 1 B. 2 C. 3 D. 4
3. Tên gọi America (châu Mỹ) được đặt bởi
A. Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô. B. Va-xin-mu-lơ.
C. Ma-gien-lăng. D. Đì-a-xơ.
4. Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở nửa cầu nào?
A. Nửa cầu Bắc B. Nửa cầu Nam
C. Nửa cầu Đông D. Nửa cầu Tây
5. Châu Mỹ được chia thành 3 khu vực:
A. Bắc Mỹ, Trung Mỹ, Mỹ Latinh.
B. Nam Mỹ, Trung Mỹ, Ca-ri-bê.
C. Bắc Mỹ, Trung Mỹ, Nam Mỹ.
D. Mỹ Latinh, Trung Mỹ và Ca-ri-bê, Bắc Mỹ.
6. Các cuộc hải trình đến châu Mỹ của Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô xuất phát từ
A. Pháp. B. Hà Lan.
C. Bồ Đào Nha. D. Tây Ban Nha.
7. Các vùng đất ở châu Mỹ được Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô khám phá chủ yếu ở khu vực
A. Bắc Mỹ. B. Trung Mỹ.
C. Bắc Mỹ và Trung Mỹ. D. Nam Mỹ và Trung Mỹ.

BÀI 14. THIÊN NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI BẮC MỸ

Câu 1. Hãy nối các ý 1, 2, 3 (ở các ô bên trái) với các ý a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k (ở các ô bên phải) để thể hiện sự phân hoá địa hình khu vực Bắc Mỹ.

1. Phía đông

a. kéo dài 9 000 km theo chiều bắc nam.

b. hệ thống núi Coóc-đi-e chiếm ưu thế, xen giữa các dãy núi là cao nguyên, bồn địa,...

c. thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

d. có nhiều đỉnh núi cao hơn 4 000 m.

2. Ở giữa

đ. gồm đồng bằng Ca-na-đa, đồng bằng Lớn, đồng bằng Trung Tâm và đồng bằng Duyên Hải.

e. miền núi cao.

g. miền đồng bằng rộng lớn, cao trung bình 200 – 500 m.

3. Phía tây

h. gồm dãy núi già A-pa-lát (Appalachian), cao nguyên La-bra-đo (Labrador).

i. miền núi thấp và trung bình.

k. địa hình hiểm trở.

Câu 2. Dựa vào hình 14.2 trong SGK và thông tin trong bài, hãy cho biết vì sao khí hậu Bắc Mỹ có sự phân hoá đa dạng theo chiều bắc – nam và theo chiều đông – tây.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Xác định ý Đúng hoặc Sai cho các thông tin dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

STT	Đặc điểm sông, hồ Bắc Mỹ	Đúng	Sai
1	Hệ thống sông, hồ kém phát triển.		
2	Mạng lưới sông ngòi khá dày và phân bố tương đối đều.		
3	Nguồn cung cấp nước chủ yếu do băng tuyết tan.		
4	Mi-xi-xi-pi là hệ thống sông lớn nhất Bắc Mỹ.		
5	Sông chủ yếu đổ ra Thái Bình Dương.		
6	Sông chủ yếu tập trung ở miền đồng bằng ở giữa.		
7	Có nhiều hồ		
8	Hồ tập trung nhiều ở phía nam.		
9	Vùng Hồ Lớn nằm ở Hoa Kỳ.		
10	Vùng Hồ Lớn là hệ thống hồ quan trọng nhất gồm 5 hồ nối liền nhau.		

Câu 4. Hãy điền thông tin phù hợp với đặc điểm của các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ vào bảng dưới đây:

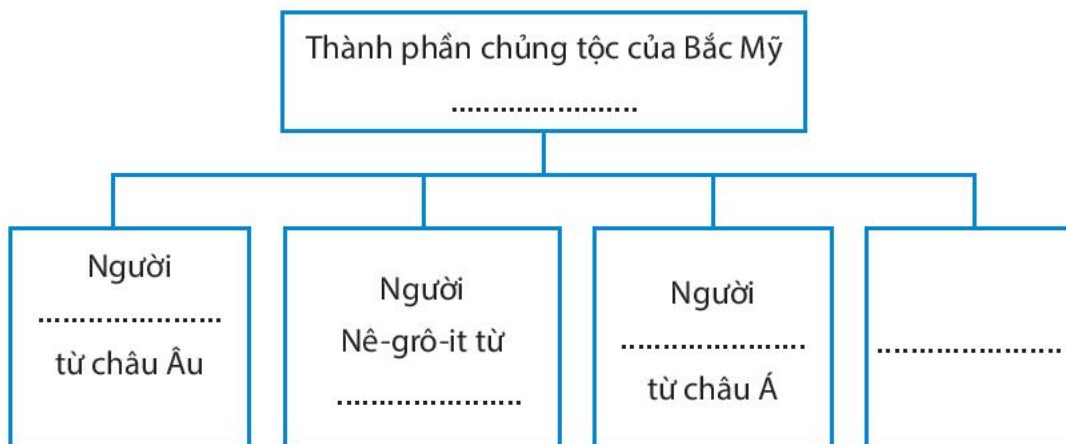
Đới lạnh	Đới ôn hoà	Đới nóng
• Phân bố	• Phân bố	• Phân bố
• Đặc điểm	• Đặc điểm	• Đặc điểm
• Sinh vật	• Sinh vật	• Sinh vật

Câu 5. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Đối khí hậu nào chiếm diện tích lớn nhất ở khu vực Bắc Mỹ?
A. Ôn đới
B. Cực và cận cực
C. Nhiệt đới
D. Cận nhiệt
2. Bắc Mỹ có mấy khu vực địa hình?
A. 2
B. 3
C. 4
D. 5
3. Hệ thống núi Coóc-đi-e nằm ở phía nào của Bắc Mỹ?
A. Đông
B. Tây
C. Nam
D. Bắc
4. Hồ nào sau đây *không* thuộc hệ thống vùng Hồ Lớn ở Bắc Mỹ?
A. Mi-si-gân
B. Ê-ri
C. Hồ Thượng
D. Hồ Muối Lớn
5. Sự phân hoá khí hậu ở Bắc Mỹ theo chiều đông – tây là do
A. vĩ độ.
B. địa hình.
C. gió.
D. sinh vật.

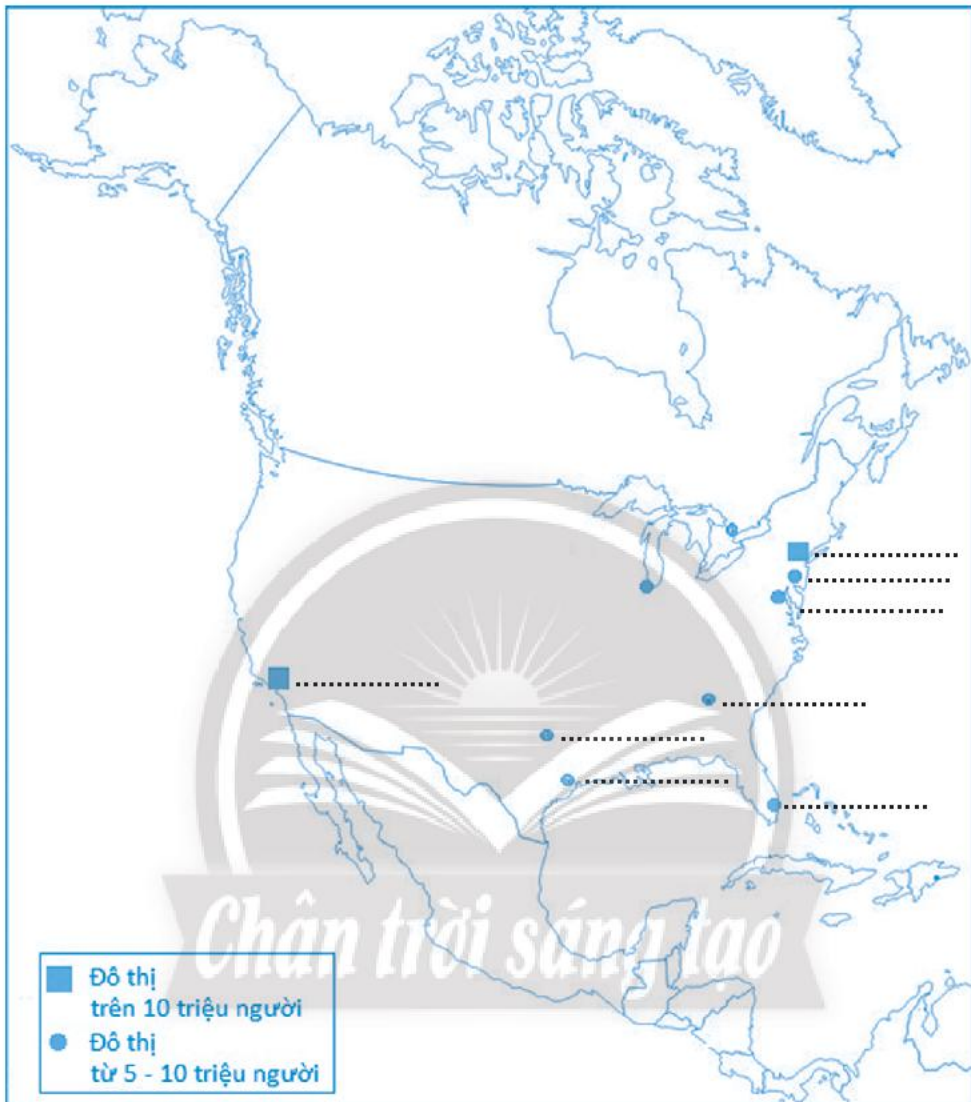
Câu 6. Hãy sử dụng những từ đã cho trong hộp thông tin để hoàn thành sơ đồ dưới đây:

Ơ-rô-pê-ô-it châu Phi đa dạng
Môn-gô-lô-it Người lai



Câu 7. Dựa vào hình 14.2 bên dưới và thông tin trong SGK, hãy:

1. Điền tên các đô thị trong lược đồ.



Hình 14.2. Lược đồ phân bố một số đô thị lớn ở Bắc Mỹ

2. Nhận xét và giải thích về sự phân bố các đô thị ở Bắc Mỹ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Hiện nay, nguồn nhập cư vào Bắc Mỹ chủ yếu từ
A. châu Phi. B. châu Âu.
C. châu Á. D. khu vực Trung và Nam Mỹ.
2. Các nguồn nhập cư có vai trò như thế nào đến sự hình thành cộng đồng dân cư Bắc Mỹ?
A. Đa dạng chủng tộc B. Thúc đẩy phát triển kinh tế
C. Đa dạng về văn hoá D. Gia tăng dân số
3. Quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ gắn liền với quá trình
A. công nghiệp hoá. B. di dân.
C. chiến tranh. D. thiên tai.
4. Khu vực ít tập trung các đô thị ở Bắc Mỹ là
A. phía bắc Ca-na-đa. B. nội địa Bắc Mỹ.
C. Tây Nam Hoa Kỳ. D. bán đảo A-la-xca (Alaska).
5. Phần lớn các đô thị ở Bắc Mỹ tập trung ở
A. vùng ven Hồ Lớn. B. vùng Đông Bắc.
C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.
6. Bắc Mỹ có mức độ đô thị hoá cao, tỉ lệ dân đô thị trong tổng số dân năm 2020 là
A. 81%. B. 82%.
C. 83%. D. 84%.
7. Quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ được bắt đầu chủ yếu ở khu vực có
A. điều kiện tự nhiên thuận lợi.
B. công nghiệp phát triển sớm.
C. lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
D. nền kinh tế hàng hoá phát triển sớm.
8. Một trong những đô thị có số dân trên 10 triệu người của Bắc Mỹ (năm 2020) là
A. Bô-xtơn. B. Đa-lát (Dallas).
C. Niu Ốc. D. Mai-a-mi (Miami).

BÀI 15. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC TỰ NHIÊN BỀN VỮNG, MỘT SỐ TRUNG TÂM KINH TẾ CỦA BẮC MỸ

Câu 1. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Các đồng bằng rộng lớn ở Bắc Mỹ chủ yếu được khai thác để phát triển ngành
A. khai thác khoáng sản. B. du lịch.
C. trồng trọt và chăn nuôi. C. thủy điện.
2. Các trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ tập trung chủ yếu ở
A. vùng nội địa. B. ven biển phía tây.
C. vùng ven Hồ Lớn. D. ven biển phía nam.

Câu 2. Vì sao sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mỹ cho năng suất cao, sản lượng lớn?

.....

.....

.....

Câu 3. Để khai thác bền vững tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng; các quốc gia Bắc Mỹ đã sử dụng những biện pháp nào?

1. Đối với tài nguyên đất:

.....

.....

2. Đối với tài nguyên nước:

.....

.....

3. Đối với tài nguyên khoáng sản:

.....

.....

4. Đối với tài nguyên rừng:

.....

.....

BÀI 16. THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ

Câu 1. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây ở Nam Mỹ thể hiện rõ nhất là
 - A. sự phân hoá cảnh quan.
 - B. sự phân hoá địa hình.
 - C. sự phân hoá khí hậu.
 - D. sự phân hoá khí hậu và cảnh quan.
2. Phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam ở Trung và Nam Mỹ thể hiện rõ nhất là
 - A. sự phân hoá cảnh quan.
 - B. sự phân hoá địa hình.
 - C. sự phân hoá khí hậu.
 - D. sự phân hoá khí hậu và cảnh quan.
3. Thứ tự các đồng bằng ở Nam Mỹ từ bắc xuống nam là:
 - A. La-nốt, A-ma-dôn, La Pla-ta, Pam-pa.
 - B. A-ma-dôn, La-nốt, La Pla-ta, Pam-pa.
 - C. La Pla-ta, La-nốt, A-ma-dôn, Pam-pa.
 - D. Pam-pa, La-nốt, A-ma-dôn, La Pla-ta.

Câu 2. Điền các cụm từ vào chỗ trống (...) để hoàn thành câu dưới đây:

Ca-ri-bê

Nam Mỹ

Khu vực Trung và Nam Mỹ bao gồm eo đất Trung Mỹ, các đảo và quần đảo trong biển và toàn bộ lục địa

Câu 3. Hãy nối các ô ở bên trái với các ô ở bên phải cho phù hợp với địa hình Nam Mỹ.

1. Các sơn nguyên

a. ở phía tây

2. Các đồng bằng

b. ở phía đông

3. Miền núi An-đét

c. ở giữa

Câu 4. Hãy xác định trên hình 16.2 trong SGK vị trí, phạm vi các đới khí hậu: xích đạo, cận xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới.

Câu 5. Hãy nối các ô ở bên trái với các ô ở bên phải cho phù hợp với thiên nhiên Trung và Nam Mỹ.

1. Khí hậu xích đạo và cận xích đạo	a. rừng cận nhiệt và thảo nguyên rừng.
2. Khí hậu nhiệt đới	b. rừng hỗn hợp.
3. Khí hậu cận nhiệt	c. rừng nhiệt đới ẩm và xavan.
4. Khí hậu ôn đới	d. cây bụi, xavan và rừng nhiệt đới ẩm.

Câu 6. Dựa vào hình 16.3 trong SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây:

SƯỜN TÂY		SƯỜN ĐÔNG	
Độ cao (m)	Đai thực vật	Độ cao (m)	Đai thực vật
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
0 – 1 000 m	Thực vật nửa hoang mạc	0 – 1 000 m	Rừng nhiệt đới

BÀI 17. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ TRUNG VÀ NAM MỸ, VẤN ĐỀ ĐÔ THỊ HOÁ, VĂN HOÁ MỸ LATINH

Câu 1. Cho bảng số liệu dưới đây:

Dân số và mật độ dân số Trung và Nam Mỹ, giai đoạn 2000 – 2020

Năm	Dân số (triệu người)	Mật độ dân số (người/ km ²)	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%)
2000	521,8	26	1,55
2005	557,5	28	1,32
2010	591,4	29	1,18
2015	623,9	31	1,07
2020	653,9	33	0,94

(Nguồn: UNDP)

– Dựa vào bảng số liệu ở trên và thông tin trong SGK, hãy điền vào bảng số liệu sau:

Giai đoạn	Số dân tăng thêm	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm đi (%)	Mật độ dân số tăng thêm (người/km ²)
2000 – 2005			
2005 – 2010			
2010 – 2015			
2015 – 2020			

– Nhận xét về sự gia tăng dân số Trung và Nam Mỹ, giai đoạn 2000 – 2020.

.....

.....

.....

.....

– Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Trung và Nam Mỹ có xu hướng thay đổi như thế nào.

.....

.....

.....

.....

– Mật độ dân số của Trung và Nam Mỹ có xu hướng thay đổi như thế nào?

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Dựa vào hình 17.1 trong SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây:

STT	Mật độ dân số	Quốc gia (3 quốc gia)
1	Trên 100 người/km ²	
2	Từ 51 – 100 người/km ²	
3	Từ 25 – 50 người/km ²	
4	Dưới 25 người/km ²	

– Kể tên các đô thị có số dân trên 10 triệu người ở Trung và Nam Mỹ.

.....

.....

.....

.....

– Kể tên các đô thị có số dân trên 5 đến 10 triệu người ở Trung và Nam Mỹ.

.....

.....

.....

.....

– Kể tên các đô thị có số dân từ 1 đến 5 triệu người ở Trung và Nam Mỹ.

.....

.....

.....

.....

– Nhận xét về sự phân bố của các đô thị ở Trung và Nam Mỹ.

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Hãy nối các đô thị (ở cột A) với các quốc gia (ở cột B) cho phù hợp.

A	B
Bra-xi-li-a	Bra-xin
Bô-gô-ta (Bogota)	Cô-lôm-bi-a
La Pa-xơ (La Paz)	Bô-li-vi-a
Bu-ê-nốt Ai-rét	Mê-hi-cô
Mê-hi-cô Xi-ti	Ác-hen-ti-na
Ca-ra-cát (Caracas)	Vê-nê-xu-ê-la

Câu 4. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Lễ hội Ca-na-van ở Trung và Nam Mỹ chủ yếu diễn ra hằng năm ở nước nào?

- A. Bra-xin
- B. Ác-hen-ti-na
- C. Bô-li-vi-a
- D. Cô-lôm-bi-a

2. Tốc độ đô thị hoá quá nhanh ở Trung và Nam Mỹ là hệ quả của quá trình nào?
- A. Do quá trình phát triển kinh tế nhanh.
 - B. Do quá trình công nghiệp hoá rất cao.
 - C. Đô thị hoá tự phát, kinh tế còn chậm phát triển.
 - D. Đô thị hoá có quy hoạch theo định hướng phát triển.
3. Dân cư chủ yếu ở Trung và Nam Mỹ hiện nay có nguồn gốc từ
- A. người Anh điêng.
 - B. người châu Á.
 - C. người châu Âu.
 - D. người lai.
4. Vũ điệu tăng-gô bắt nguồn từ quốc gia nào ở Nam Mỹ?
- A. Ác-hen-ti-na
 - B. Bô-li-vi-a
 - C. Cô-lôm-bi-a
 - D. Bra-xin
5. Đặc điểm nào *không* đúng với quá trình đô thị hoá ở Nam Mỹ?
- A. Tốc độ đô thị hoá dẫn đầu thế giới.
 - B. Tỷ lệ dân thành thị rất cao, từ 75% trở lên.
 - C. Đô thị hoá gắn liền với công nghiệp hoá cao.
 - D. Các đô thị lớn thường tập trung ven biển.
6. Ri-ô đê Gia-nê-rô là thành phố ven biển của Nam Mỹ, thuộc quốc gia nào?
- A. Ác-hen-ti-na
 - B. Bra-xin
 - C. Vê-nê-xu-ê-la
 - D. Pa-ra-goay (Paraguay)
7. Người bản địa của Trung và Nam Mỹ là người
- A. In-ca (Inca).
 - B. Mai-a (Maya).
 - C. A-dơ-tếch (Aztec).
 - D. Anh-điêng.
8. Xao Pao-lô là thành phố đông dân nhất Nam Mỹ, thuộc nước nào sau đây?
- A. Ác-hen-ti-na
 - B. Bra-xin
 - C. Vê-nê-xu-ê-la
 - D. Pa-ra-goay
9. Ca-ra-cát là thủ đô thuộc nước nào của Nam Mỹ?
- A. Ác-hen-ti-na
 - B. Bra-xin
 - C. Vê-nê-xu-ê-la
 - D. Pa-ra-goay

BÀI 18. VẤN ĐỀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ RỪNG A-MA-DÔN

Câu 1. Dựa vào nội dung trong hộp thông tin dưới đây:

Rừng A-ma-dôn bị tàn phá, hơn 10 000 loài động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng

Hơn 10 000 loài động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cao do rừng nhiệt đới A-ma-dôn bị tàn phá và 35% trong số này đã bị chặt phá hoặc đang suy thoái. Nội dung này nằm trong một báo cáo quan trọng của Hội đồng khoa học (Science Panel for the Amazon – SPA), được công bố vào ngày 14 – 7. Tính đến nay, có khoảng 18% carbon, chủ yếu là do hoạt động nông nghiệp cũng như khai thác gỗ trái phép và khoảng 17% diện tích tại đây đang bị suy thoái. Sự tàn phá liên tục của con người đối với rừng A-ma-dôn là một trong những nguyên nhân khiến hơn 8 000 loài thực vật đặc hữu và 2 300 loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng cao.

Theo báo cáo trên, rừng nhiệt đới là một bức tường thành quan trọng chống lại biến đổi khí hậu. Do đó, rất cần giảm hoàn toàn nạn phá rừng và tình trạng suy thoái rừng trong chưa đầy một thập kỉ. Báo cáo cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc khôi phục các khu vực đã bị phá huỷ trên quy mô lớn. Cũng trong ngày 14 – 7, một nghiên cứu riêng biệt khác đăng tải trên tạp chí *Thiên nhiên (Nature)* công bố, một số khu vực của A-ma-dôn đang “nhả” nhiều carbon hơn lượng mà chúng hấp thụ. Kết quả này thu được thông qua biện pháp đo lường lượng khí CO₂ và CO tại rừng A-ma-dôn giai đoạn 2010 – 2018. Tác giả nghiên cứu, nhà khoa học Lu-xi-a-na Gát-ti (Luciana Gatti) thuộc Cơ quan nghiên cứu Vũ trụ In-pe (Inpe) của Bra-xin nhận định, tại miền Đông Nam A-ma-dôn – khu vực diễn ra nạn phá rừng nghiêm trọng, lượng phát thải carbon tăng không chỉ do cháy rừng và tàn phá rừng trực tiếp mà còn do sự gia tăng tỉ lệ cây rừng chết do hạn hán nghiêm trọng và nhiệt độ tăng cao.

(Nguồn: Tổng hợp từ báo *Tài nguyên và môi trường*, tháng 7 – 2021)

Hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Đoạn thông tin đề cập tới khu vực nào của Trung và Nam Mỹ?

.....

2. Theo đoạn thông tin trên, khi rừng nhiệt đới bị tàn phá thì sẽ gây ra những hậu quả gì?

.....

.....

.....

3. Nguyên nhân chính khiến rừng nhiệt đới A-ma-dôn bị tàn phá là gì?

.....

.....

.....

4. Vai trò của rừng nhiệt đới A-ma-dôn là gì?

.....

.....

.....

5. Biện pháp mà đoạn thông tin trên mô tả để bảo vệ rừng nhiệt đới A-ma-dôn là gì?

.....

.....

.....

Câu 2. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Việc khai thác rừng A-ma-dôn đã tác động như thế nào tới môi trường của thế giới?

- A. Tác động lớn đến khí hậu toàn cầu vì A-ma-dôn là “lá phổi” của thế giới.
- B. Chỉ ảnh hưởng đến môi trường của khu vực Nam Mỹ.
- C. Không ảnh hưởng gì tới môi trường toàn cầu do đã có biện pháp khắc phục.
- D. Chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến các nước trong khu vực Trung và Nam Mỹ.

2. Phần lớn rừng nhiệt đới A-ma-dôn nằm ở quốc gia nào?

- A. Bra-xin
- B. Ác-hen-ti-na
- C. Bô-li-vi-a
- D. Cô-lôm-bi-a

3. Nguyên nhân chủ yếu làm thu hẹp diện tích rừng nhiệt đới A-ma-dôn là do

- A. khai thác khoáng sản.
- B. hoạt động thủy điện.
- C. khai thác giao thông.
- D. hoạt động nông nghiệp.

Chương 5. CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Bài 19. THIÊN NHIÊN CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Câu 1. Hãy lựa chọn các cụm từ chỉ các bộ phận chính của châu Đại Dương từ các ô bên dưới và ghi vào chỗ trống (...).

đảo Niu Ghi-nê

chuỗi đảo Pô-li-nê-di

quần đảo Niu Di-len

quần đảo Ha-oai

lục địa Ô-xtrây-li-a

chuỗi đảo Mi-crô-nê-di

chuỗi đảo Mê-la-nê-di

.....

.....

.....

.....

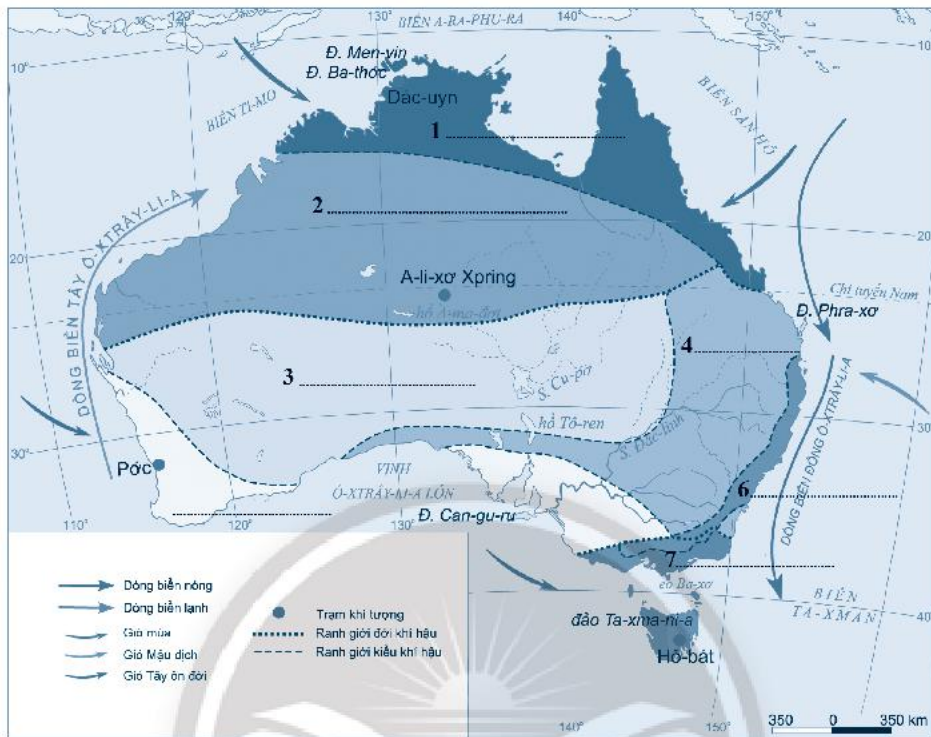
Chân trời sáng tạo

Câu 2. Dựa vào hình 19.1 và thông tin trong SGK, hãy nối các ý ở cột A với ý ở cột B cho phù hợp.

CỘT A
1. Khu vực phía đông
2. Khu vực phía tây
3. Vùng đất thấp trung tâm

CỘT B
A. Cao nguyên Kim-bớc-li, hoang mạc Vích-to-ri-a Lớn
B. Bồn địa Ác-tê-di-an Lớn, đồng bằng Nan-la-bo
C. Dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a

Câu 3. Dựa vào hình 19.2 và thông tin trong SGK, hãy điền các kiểu khí hậu phù hợp vào chỗ trống (...) trong hình dưới đây.



Hình 19. Lược đồ khí hậu Ô-xtrây-li-a

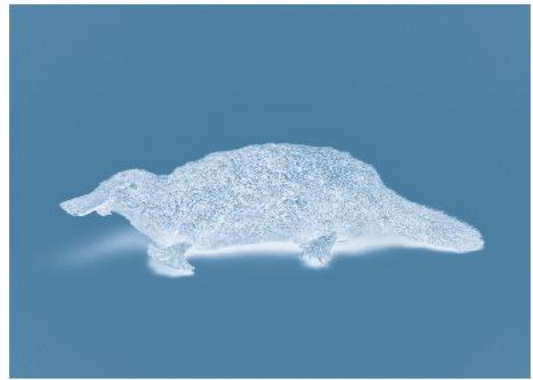
Câu 4. Hãy điền tên các loài động vật đặc hữu: gấu túi, cang-gu-ru, thú mỏ vịt, chuột túi vào chỗ trống (...) của các hình dưới đây cho phù hợp:



a.



b.



c.

d.

Câu 5. Hãy sưu tầm một câu chuyện và một hình ảnh về một loài thực vật đặc hữu ở Ô-xtrây-li-a. Ghi lại câu chuyện và dán hình ảnh minh hoạ vào các ô tương ứng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 20. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI Ô-XTRÂY-LI-A

Câu 1. Dựa vào bảng 20.1, hãy:

- Tính cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Ô-xtrây-li-a.
- Điền số liệu vào bảng 20.2.
- Vẽ biểu đồ cơ cấu dân số Ô-xtrây-li-a năm 2010 và 2020.

Bảng 20.1. Quy mô dân số Ô-xtrây-li-a, năm 2010 và 2020

Đơn vị: người

Nhóm tuổi	2010	2020
Từ 0 đến 14 tuổi	4 193 157	4 955 653
Từ 15 đến 64 tuổi	14 891 504	16 566 733
Từ 65 tuổi trở lên	2 947 089	4 164 655

Bảng 20.2. Cơ cấu dân số Ô-xtrây-li-a, năm 2010 và 2020

Đơn vị: %

Nhóm tuổi	2010	2020
Từ 0 đến 14 tuổi		
Từ 15 đến 64 tuổi		
Từ 65 tuổi trở lên		

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Dựa vào bảng 20.3 dưới đây, hãy tính và điền vào chỗ trống (...) mật độ dân số ở Ô-xtrây-li-a và các bang:

Bảng 20.3. Diện tích, dân số và mật độ dân số ở Ô-xtrây-li-a và các bang

Bang	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ dân số (.....)
Niu Xao Uây (New South Wales)	803 508	8 608 200	
Vích-to-ri-a	227 444	6 648 600	
Quyn-xlen (Queensland)	1 729 742	5 206 400	
Nam Ô-xtrây-li-a	984 321	1 771 700	
Tây Ô-xtrây-li-a	2 527 013	2 675 800	
Ta-xma-ni-a	68 401	542 000	
Ô-xtrây-li-a	7 688 287	25 704 300	

Câu 3. Hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống (...) để hoàn chỉnh đoạn thông tin dưới đây:

nhập cư

lâu đời

bản địa

độc đáo

Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá với các cộng đồng thổ dân được hình thành từ hàng nghìn năm trước. Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá kết hợp văn hoá của người và văn hoá của người.....

Câu 4. Hãy tìm thông tin và hình ảnh minh hoạ về một lễ hội truyền thống hoặc hiện đại của Ô-xtrây-li-a mà em quan tâm (ví dụ như như lễ hội thổ dân Lô-ra, lễ hội ánh sáng,...). Ghi tóm tắt thông tin và dán hình ảnh do em sưu tầm được vào các ô tương ứng dưới đây:

.....

.....

.....

.....

Bài 21. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở Ô-XTRÂY-LI-A

Câu 1. Dựa vào hộp thông tin dưới đây:

Khai thác tài nguyên phục vụ phát triển nông nghiệp Ô-xtrây-li-a

Nền kinh tế Ô-xtrây-li-a không có ngành truyền thống, kể cả ngành nghề cổ xưa nhất của loài người là nông nghiệp. Hầu hết các cây trồng, vật nuôi và công nghệ sản xuất sử dụng trong nông nghiệp nơi đây đều có nguồn gốc nhập khẩu. Nông nghiệp Ô-xtrây-li-a có lợi thế trong sản xuất những loại nông sản trái vụ so với các nước nằm ở bán cầu Bắc.

Vốn là một quốc gia đất rộng người thưa, ít mưa, tình trạng khô hạn xảy ra thường xuyên, nông nghiệp Ô-xtrây-li-a có sự phân hoá khá rõ: miền Tây Bắc có khí hậu khô, nóng nên chuyên về bông vải và cải dầu; vùng duyên hải phía bắc có khí hậu khô nhưng mát mẻ chuyên nuôi bò thịt (chiếm 70% diện tích nuôi bò toàn nước Úc); miền Trung của khu vực duyên hải phía đông có khí hậu ôn hoà, phát triển trồng trọt trong nhà kính; vùng phía nam có khí hậu khô, nóng, nhiều ánh sáng nên phát triển lúa gạo, chủ yếu ở bang Niu Xao Uây.

Trồng trọt cũng được thực hiện luân canh và kết hợp với chăn nuôi. Điển hình như cây lúa, chỉ trồng một năm một vụ trên 1/3 ruộng đất theo hệ thống luân canh: lúa với kiều mạch hoặc đại mạch. Họ có thể trồng lúa trong hai năm liên tiếp, sau đó đưa các đàn cừu vào ruộng ăn rơm rạ. Đồng thời nông dân gieo loại cỏ ba lá thuộc họ đậu để tránh cỏ dại phát triển. Các đàn cừu ăn cỏ ba lá và phân cừu được thải vào ruộng cung cấp phân đạm phục hồi dinh dưỡng đất đai mau chóng. Ruộng dùng để nuôi cừu và làm đồng cỏ trong hai năm. Tiếp theo sau đó, nông dân trồng một vụ ngũ cốc khác như lúa mì, mạch hoặc bắp rồi mới trở lại vụ lúa. Hệ thống luân canh này là phương pháp canh tác lí tưởng giúp sử dụng ít phân hoá học, ít thuốc diệt cỏ và bồi dưỡng tốt cho đất đai nhưng năng suất rất cao (bình quân gần 10 tấn/ha). Hệ thống luân canh hữu hiệu, cơ giới hoá từ khâu canh tác đến chế biến, sử dụng giống lúa tiên tiến, kiểm dịch chặt chẽ, một năm một vụ lúa. Ngành trồng lúa nước của Ô-xtrây-li-a ít bị nhiễm các loại sâu bệnh thường thấy ở các vùng sản xuất lúa nhiệt đới và ôn đới khác trên thế giới.

Hãy trả lời câu hỏi sau:

1. Người dân Ô-xtrây-li-a đã khai thác những tài nguyên thiên nhiên nào phục vụ phát triển nông nghiệp?

.....

.....

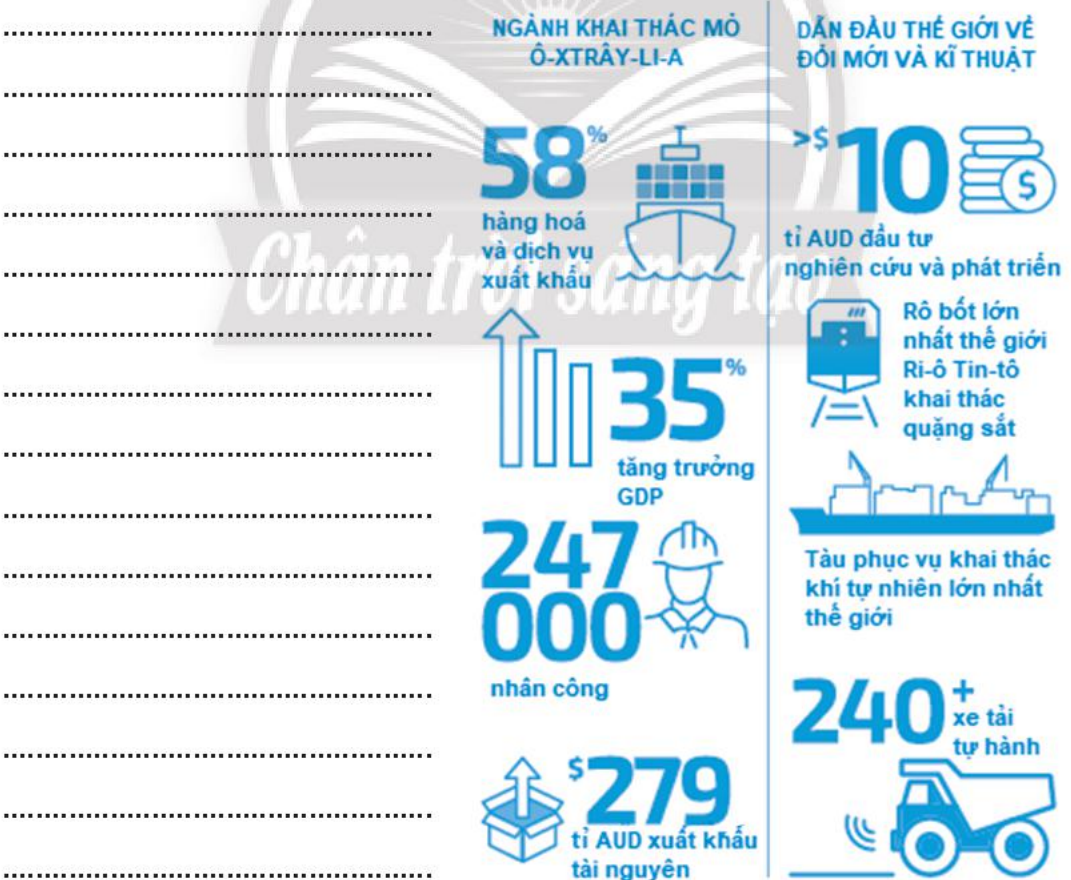
2. Mô hình luân canh trong nông nghiệp tạo thuận lợi gì cho thiên nhiên Ô-xtrây-li-a?

.....

.....

.....

Câu 2. Dựa vào các thông tin ở infographic bên dưới, hãy viết một đoạn văn (không quá 10 dòng) mô tả về phương thức khai thác tài nguyên khoáng sản hiện đại của Ô-xtrây-li-a.

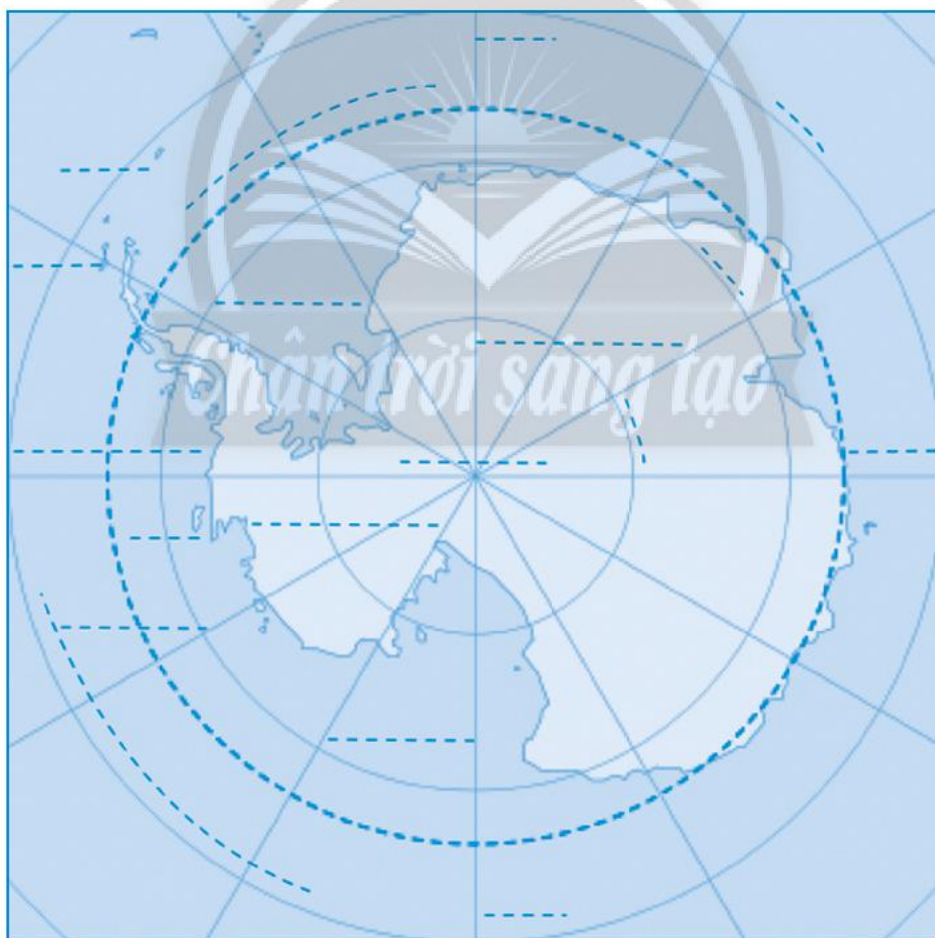


Chương 6. CHÂU NAM CỰC

BÀI 22. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ KHÁM PHÁ VÀ NGHIÊN CỨU CHÂU NAM CỰC

Câu 1. Dựa vào hình 22.1 trong SGK, hãy điền thông tin phù hợp vào chỗ trống (...) trong lược đồ dưới đây:

1. Vị trí cực Nam và Vòng cực Nam
2. Tên các đảo, quần đảo ven lục địa
3. Kinh tuyến 0° và 180° , phần Đông Nam Cực và Tây Nam Cực
4. Vĩ tuyến 80°N , 70°N và 60°N
5. Tên các biển và đại dương bao quanh châu Nam Cực



Hình 22. Lược đồ vị trí địa lí châu Nam Cực

Câu 2. Điền thông tin thích hợp vào chỗ trống (...) trong các câu dưới đây:

- Diện tích của châu Nam Cực là
- Diện tích châu Nam Cực diện tích châu Đại Dương.
- Diện tích châu Nam Cực diện tích châu Âu.

Câu 3. Dựa vào hình 22.1 trong SGK, hãy cho biết:

1. Tên một số quốc gia có trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực.
.....
.....
2. Các trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực chủ yếu phân bố ở đâu.
Tại sao?
.....
.....
3. Trạm nghiên cứu khoa học nằm sâu nhất trong lục địa Nam Cực là trạm nào.
.....
4. Mục đích của các trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực là gì.
.....
.....

Câu 4. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Ý nào dưới đây thể hiện vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của châu Nam Cực?
A. Kéo dài từ vĩ độ 50°N trở về cực Nam
B. Kéo dài từ vĩ độ 70°N trở về cực Nam
C. Kéo dài từ vĩ độ 60°N trở về cực Nam
D. Nằm gần như trọn vẹn trong Vòng cực Nam
2. Hiệp ước Nam Cực được kí kết năm nào?
A. 1957 B. 1958 C. 1959 D. 1960
3. Tính đến năm 2020, Hiệp ước Nam Cực có bao nhiêu thành viên?
A. 53 B. 54 C. 55 D. 56
4. Mục đích cơ bản của Hiệp ước Nam Cực là
A. để thăm dò và khai thác tài nguyên.
B. để chiếm lãnh thổ.
C. vì hoà bình, không công nhận những đòi hỏi phân chia lãnh thổ, tài nguyên ở châu Nam Cực.
D. để tiến hành hoạt động du lịch.

BÀI 23. THIÊN NHIÊN CHÂU NAM CỰC

Câu 1. Từ các ô bên dưới, đặt ba câu có ý nghĩa về địa hình châu Nam Cực.

Băng thêm lục địa

Địa hình

khổng lồ

được hình thành ở

và vùng biển nông

các vịnh biển

được bao phủ

bởi lớp băng dày

là cao nguyên băng

gần toàn bộ

1.
2.
3.

Câu 2. Dựa vào hình 23.1 trong SGK, hãy điền thông tin vào bảng dưới đây:

Các khoáng sản chính	Phân bố
.....	
.....	
.....	

Câu 3. Dựa vào hình 23.4 trong SGK, hãy nhận xét về chế độ nhiệt của châu Nam Cực.

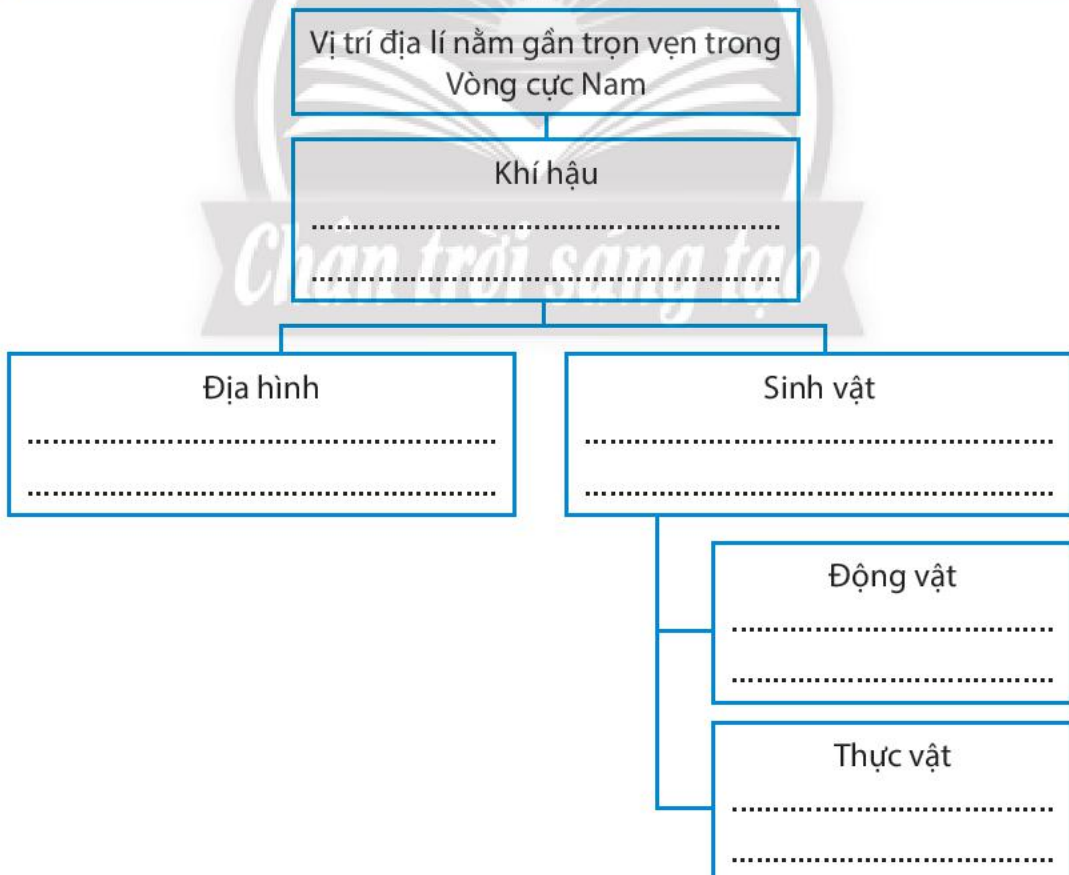
-
-
-

Câu 4. Quan sát các hình sau, hãy đánh dấu (x) vào ☐ để cho biết loài động vật tiêu biểu sống ở châu Nam Cực.

			
Chim cánh cụt hoàng đế	Cú tuyết	Hải cẩu Oét-đen (Weddell)	Cá voi xanh
☐	☐	☐	☐

Câu 5. Hãy sử dụng các từ đã cho trong hộp thông tin bên dưới để hoàn thành sơ đồ về mối quan hệ giữa các đặc điểm tự nhiên ở châu Nam Cực.

nhệt độ	ở ven lục địa	lượng mưa	cao
chim cánh cụt	cao nguyên băng khổng lồ		cá
rêu	địa y	khí áp	rất thấp
tảo			nhiều gió bão



Câu 6. Cho đoạn văn sau, hãy gạch chân những cụm từ cho thấy đặc điểm thiên nhiên khác biệt của châu Nam Cực so với các châu lục khác trên thế giới và là nguyên nhân con người không thể sống thường xuyên ở nơi đây.

Châu Nam Cực là nơi lạnh nhất trên thế giới. Khí hậu giá buốt, nhiệt độ luôn dưới 0°C , nơi đây đã từng ghi nhận nhiệt độ thấp nhất là $-94,5^{\circ}\text{C}$. Nam Cực cũng là châu lục rất khô hạn, lượng mưa hằng năm rất thấp, vùng nội địa gần như không có mưa. Gần toàn bộ châu Nam Cực được bao phủ bởi lớp băng dày, trung bình là 1 720 m, có nơi đạt tới 3 000 – 4 000 m. Đây là nơi có nhiều gió bão nhất thế giới, tốc độ gió thường trên 60 km/h.

Câu 7. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Băng hiện nay ở Nam Cực có xu hướng
 - A. mỏng dần
 - B. dày thêm.
 - C. mở rộng về phía Xích đạo.
 - D. mở rộng về phía cực Nam.
2. Ý nào sau đây *không* đúng về châu Nam Cực?
 - A. Khí áp cao
 - B. Lạnh giá
 - C. Khô hạn
 - D. Ít gió bão
3. Châu Nam Cực được gọi là
 - A. cực lạnh thế giới.
 - B. cực bão thế giới.
 - C. cực dự trữ nguồn nước ngọt thế giới.
 - D. Tất cả đều đúng.
4. Tài nguyên khoáng sản chủ yếu ở châu Nam Cực là:
 - A. vàng, bạc, sắt.
 - B. vàng, kim cương, sắt.
 - C. sắt, than đá, dầu khí.
 - D. sắt, man-gan, dầu khí.

Câu 8. Viết một đoạn văn (khoảng 100 từ) mô tả sự tác động của biến đổi khí hậu đến thiên nhiên châu Nam Cực.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VÕ ĐỨC DI LINH

Thiết kế sách: PHẠM HOÀI THƯƠNG – NGUYỄN THỊ CÚC PHƯƠNG

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: VÕ ĐỨC DI LINH

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.



BÀI TẬP LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN ĐỊA LÍ) (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2BH7D001M22

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/12-397/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-31971-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ BÀI TẬP LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- Bài tập NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
- Bài tập NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
- Bài tập TOÁN 7, TẬP MỘT
- Bài tập TOÁN 7, TẬP HAI
- TIẾNG ANH 7
Friends Plus - Workbook
- Bài tập GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
- Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN LỊCH SỬ)
- Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN ĐỊA LÍ)
- Bài tập KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
- Bài tập CÔNG NGHỆ 7
- Bài tập TIN HỌC 7
- Bài tập ÂM NHẠC 7
- Bài tập MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
- Bài tập MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
- Bài tập HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
- Bài tập HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-31971-5



9 786040 319715

Giá: 15.000 đ